**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TUẦN 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ 23/9/2024 đến 27/9/2024** | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài** | **Điều chỉnh** | | **Hai**  **(23/9)** | ***sáng*** | 1 | Chào cờ | (Nội dung chủ đề theo sách tiết học HĐTN của khối lớp)  HĐTN: Phát huy truyền thống trường em |  | | 2 | Toán 1 | Giới thiệu về tỉ số (tiết 1) | BT 1,2 | | 3 | Tiếng Việt 1 | Lớp trưởng lớp tôi | Chia sẻ  Đọc thành tiếng | | 4 | Tiếng Việt 2 | Lớp trưởng lớp tôi | Phần còn lại.  Tự đọc sách báo (HS làm ở nhà) | | ***Chiều*** | 1 | HĐTN | Đ/C Thu dạy |  | | 2 | Khoa học 1 | Đ/C Thu dạy |  | | 3 | Toán tăng | Ôn tập và bổ sung về phân số, các phép tính với phân số (tiết 1) |  | | **Ba**  **(24/9)** | ***Sáng*** | 1 | Đạo đức | Bài 1: Em biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (Tiết 3). | Lồng ghép GD ANQP: Giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Niềm tự hào tự tôn dân tộc, lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ, những chiến sĩ Quân đội NDVN, Công an NDVN đã dũng cảm trong cứu hộ, cứu nạn chữa cháy, sạt lở đất, lũ lụt, trong phòng chống dịch Covid….  (HĐ Luyện tập) | | 2 | Đạo đức | Bài 2: Em tôn trọng sự khác biệt (Tiết 1). | Quyền sống; Quyền giữ gìn phát huy bản sắc; Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; Quyền bí mật đời sống riêng tư  (Khám phá BT 1: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu) | | ***Chiều*** | 1 | Toán 2 | Giới thiệu về tỉ số (tiết 2) | BT 3,4 | | 2 | Tiếng Việt 3 | Tả người (Cấu tạo của bài văn) |  | | 3 | TV tăng | Luyện tập: Từ đồng nghĩa |  | | **Tư**  **(25/9)** | ***Sáng*** | 1 | Tiếng anh | Đ/C Thùy |  | | 2 | Tiếng anh | Đ/C Thùy |  | | 3 | Toán 3 | Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó (tiết 1) | BT 1,2 | | 4 | Tiếng Việt 4 | Trao đổi: *Bạn nam, bạn nữ* | - QCN: Quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân phù hợp với độ tuổi và văn hóa dân tộc. | | ***Chiều*** | 1 | Thể dục | Đ/C Khiêm |  | | 2 | LS & ĐL 1 | Bài2.ThiênnhiênViệtNam *(4 tiết-Tiết 3)* | HĐ 2  GDQPAN: Giới thiệu chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo của Việt Nam. Một số hình ảnh khai thác thủy, hải sản và tài nguyên để phát triển kinh tế xã hội; bảo đảm quốc phòng an ninh. | | 3 | LS & ĐL 2 | Bài2.ThiênnhiênViệtNam *(4 tiết-Tiết 4)* | HĐ 3  GDQPAN: Giới thiệu chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo của Việt Nam. Một số hình ảnh khai thác thủy, hải sản và tài nguyên để phát triển kinh tế xã hội; bảo đảm quốc phòng an ninh. | | **Năm**  **(26/9)** | ***Chiều*** | 1 | Toán 4 | Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó (tiết 2) | BT 3,4 | | 2 | Tiếng Việt 5 | *Muôn sắc hoa tươi* |  | | 3 | Toán tăng\* | Luyện tập tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó |  | | **Sáu**  **(27/9)** | ***Sáng*** | 1 | Toán 5 | Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó (tiết 1) |  | | 2 | Tiếng Việt 6 | Dấu gạch ngang |  | | 3 | Tiếng Việt 7 | Luyện tập tả người (Quan sát) |  | | 4 | TV tăng | Luyện tập: Tả người (Lập dàn ý chi tiết) |  | | ***Chiều*** | 1 | Khoa học 2 | Hỗn hợp và dung dịch (Tiết 2) | HĐ 2 | | 2 | Toán tăng | Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai sốđó. |  | | 3 | Sinh hoạt | **HĐTN:** *Chủ đề 1: Tự hào truyền thống trường em (tháng 9):Sáng tác chủ đề về Tình thầy trò*  **Sinh hoạt lớp** |  | |

*Duyệt, ngày ..... tháng ..... năm 2024*

*Phó hiệu trưởng*

*Nguyễn Thị Hằng*

**Tuần 3**

*Thứ ba ngày 23 tháng 9 năm 2024*

***Buổi sáng*****TIẾT 1: CHÀO CỜ**

**(Nội dung chủ đề theo sách tiết học HĐTN của khối lớp)**

**HĐTN: PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Thể hiện sự chủ động, tự tin khi tham gia tổ chức sự kiện: Phát huy truyền thống trường em.

**2. Năng lực chung**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thiết kế và tổ chức hoạt động.

**3. Phẩm chất**

- Thể hiện niềm tự hào về truyền thống nhà trường.

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

- Giáo viên: SGK, chương trình hoạt động.

- Học sinh: SGK , tranh ảnh về các hoạt động của nhà trường;…..

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **-** GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở, chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ.  **2. SINH HOẠT DƯỚI CỜ (15 phút)**  *2.1. Thực hiện nghi lễ chào cờ*  - GV nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ.  *2.2. Tổng kết công tác tuần*  - GV trực ban nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS trong tuần 2.  - GV TPT triển khai hoạt động tuần 3.  + Tiếp tục duy trì mọi nèn nếp.  + Tích cực tập luyện 6 động tác thể dục giữa giờ.  + Tiếp tục thực hiện phong trào: ***“ Tiếng trống sạch trường, trường em xanh – sạch – đẹp”.***  *-* Thành lập đội cờ đỏ theo dõi thi đua các lớp bắt đầu từ tuần 3.  **3. TRẢI NGHIỆM (20 phút)**  *- HS về lớp tiếp tục tham gia học tập tiết HĐTN của lớp mình.*  \* Tổ chức sự kiện: Phát huy truyền thống trường em  - Tổng phụ trách Đội khai mạc chương trình, giới thiệu các hoạt động trong sự kiện và HD HS tham gia tổ chức.  + Trưng bày tranh ảnh về truyền thống và các hoạt động của trường,  + Kể chuyện về các tấm gương dạy tốt, học tốt trong trường.  + Hùng biện về chủ đề Em phát huy truyền thống nhà trường.  - GV HD HS tham gia các hoạt động.  - Giúp đỡ khi HS còn lúng túng.  4**Vận dụng**  - GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nghĩ.  + Cảm xúc của em sau khi tham gia sự kiện thế nào?  + Qua sự kiện hôm nay, em muốn nói điều gì với thầy cô giáo và các bạn?  - GV tổng kết chương trình, khen thưởng các HS đã thực hiện và đạt kết quả tốt. | - HS chào cờ.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.  - Một số HS chia sẻ cảm nghĩ trước toàn trường.  - HS liên hệ bản thân.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**.................................................................**

**TIẾT 2: TOÁN 1**

**BÀI 6. GIỚI THIỆU VỀ TỈ SỐ (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

- Hiểu dược ý nghĩa về tỉ số cùa hai số. Biết đọc, viết tỉ số của hai số

- Phát triển các NL toán học như: học sinh giải quyết các bài toán; biết phân tích

**\*Năng lực chung:** -Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**- GV :**chuẩn bị một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu sử dụng phép chia để so sánh hai số.

- HS **:**sgk, vbt, đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1. Khởi động** | |
| - HS xem tranh khới động và thào luận: | - HS1: Hãy so sánh số điện thoại màu hồng và số điện thoại màu xanh.  - HS2: Có 3 chiêc điện thoại màu hồng và 8 chiếc điện thoại màu xanh. Màu hồng ít hơn màu xanh là 8-3 = 5(chiếc diện thoại). |
| - Để so sánh hai số, không chỉ có so sách hơn kém bao nhiêu đơn vị, người ta còn có thể sử dụng phép tính chia để so sánh số này bằng bao nhiêu phần so với số kia. | - HS lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức** | |
| GV giới thiệu:   * Kết quà của phép chia 3 : 8 gọi là thương của phép chia số 3 cho số 8. * Thương 3 : 8 còn gọi là tỉ số của 3 và 8. * Nói: *Ti sô* giữa số điện thoại màu hồng và số điện thoại màu xanh là 3 : 8 *(ba*   *chia cho tám)* hay *(ba phần tâm).* | - HS lắng nghe |
| * Tỉ số của 2 số là kết quả của phép tính gì? | - Tỉ số của 2 số là kết quả của phép tính chia |
| * Số điện thoại màu hồng là bao nhiêu cái? | - Số điện thoại màu hồng là 3 cái. |
| * Số điện thoại màu xanh là bao nhiêu cái? | - Số điện thoại màu xanh là 8 cái. |
| - Muốn tìm tỉ số của số điện thoại màu hồng với số điện thoại màu xanh, ta làm thế nào? | - Muốn tìm tỉ số của số điện thoại màu hồng với số điện thoại màu xanh, ta lấy số điện thoại màu hồng chia cho số điện thoại màu xanh. |
| - Tương tự, muốn tìm tỉ số của số a với số b, ta làm thế nào? | - Muốn tìm tỉ số của số a với số b, ta lấy a chia b |
| - Khi đó, Tỉ số của hai số a và b (b khác 0) là gì? | - Tỉ số của hai số a và b (b khác 0) là thương trong phép chia số a cho số b. |
| *Kết quả cụ thể là bao nhiêu?* | - Là a: b hay |
| - Hãy lấy 1 ví dụ về tỉ số của 2 số bất kì. | - HS phát biểu.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có) |
| **2. Thực hành, luyện tập** | |
| **Bài 1.** | |
| * Gọi HS đọc BT1 | - 1HS đọc, HS khác đọc thầm |
| * Ở bài tập này, HS được luyện cách đọc, viết tỉ số. Chúng ta cùng luyện tập từng phần. |  |
| 1. Gọi 1 HS đọc lại | - HS đọc lại yêu cầu |
| - GV hướng dẫn mẫu |  |
| Viết bảng: Tỉ số  - Đọc là: Tỉ số của 2 và 3 | - HS lắng nghe |
| * Yêu cầu hS thực hành | * HS làm và trao đổi với bạn cùng bàn |
| * Gọi HS đọc trước lớp | * HS đọc to trước cả lớp |
| * Chốt cách đọc. |  |
| * GV có thê giới thiệu thêm cách đọc.   *Ví dụ: —* đọc là “Tỉ sô cua 4 đôi với 5”. |  |
| * Qua phần BT 1. Cho biết, tỉ số có mấy cách viết? | * Tỉ số có 2 cách viết, viết dưới dạng phân số hoặc viết phép tính chia |
| 1. GV hướng dẫn mẫu |  |
| * Tỉ số của 7 và 3 ta làm tnao? | * Ta lấy 7:3 |
| * Vậy Tỉ số của 7 và 3 là 7: 3 hoặc |  |
| Yêu cầu hS thực hành | * HS làm và trao đổi với bạn cùng bàn |
| * Gọi HS đọc trước lớp (Có thể yêu cầu HS viết theo cả 2 cách) | * HS đọc to trước cả lớp |
| * Vậy tỉ số của 3 và 4 là bao nhiêu? | * HS trả lời 3:4 hoặc |
| * Hãy chọn kết quả đúng ở phần c. |  |
| * Vậy tỉ số 4:3 là tỉ số của bao nhiêu? | * Là tỉ số của 4 với 3 |
| * Lưu ý nhấn mạnh: Tỉ số cua hai số a và b phải được viết theo đúng thứ tự là a : b hay | * HS lắng nghe |
| **Bài 2.** |  |
| * HS đọc bài | * HS xác định yêu cầu |
| -Làm thế nào để tìm tỉ số của a và b? | * Ta lấy a: b |
| Lưu ý: Tì sô cúa hai sô a và b phài được viết theo đúng thứ tự a : b. |  |
| * HS thực hành, làm cá nhân vào vở | * HS làm bài |
| -Gọi HS trình bày |  |
| * HS giải thích kết quả |  |
| * Nhận xét, phần c, có điểm nào khác với phần a,b? | * ở phần c, số b là phân số |
| Qua đó, phân biết phân số và tỉ số? | * Phân số có tử số và MS đều là số tự nhiên. * Tỉ số là thương của 2 số, trong đó, 2 số đó có thể là STN hoặc PS |
| **3. Vận dụng**  -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì?  -Về nhà các em có thể luyện tập thêm cách đọc, viết tỉ số cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2 | - Học về tỉ số   * -HS nghe để thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG (Nếu có)**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………

**TIẾT 3 + 4: TIẾNG VIỆT 1+2**

**LỚP TRƯỞNG LỚP TÔI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.
* Hiểu nghĩa của từ được chú giải và của các từ ngữ khác trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: *Khen ngợi một nữ lớp trưởng vừa học giỏi vừa chu đáo, xốc vác, có trách nhiệm với công việc chung và dù là nam hay nữ nếu giỏi và tốt thì đều đáng quý, đang trọng*.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

* Hiểu và cảm nhận được những từ ngữ, chi tiết hay; biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ, chi tiết đó.

**3. Phẩm chất**

* Biết yêu quý, tôn trọng các bạn, không kì thị (chê bai) giới tính của bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Tiếng Việt 5*.
* Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 5*.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV chiếu những hình ảnh mà bạn bè giúp đỡ nhau:   |  |  | | --- | --- | | Hình ảnh Cậu Bé Giúp đỡ Và Hỗ Trợ Người Bạn Anak Membantu Dan Menenangkan  Teman PNG , đứa Trẻ, Giúp đỡ, Hữu Nghị PNG và Vector với nền trong suốt để  *An ủi bạn khi bạn buồn* | Trả lời Câu hỏi Luyện tập trang 16 SGK Đạo đức 2 Cánh Diều  *Giúp đỡ bạn khi bạn gặp bài khó* | | Hình ảnh Thằng Nhóc Giúp Người Khác đứng Dậy PNG , Giúp đỡ Trẻ Con, 学童, Học  Sinh PNG và Vector với nền trong suốt để tải xuống miễn phí  *Đỡ bạn đứng dậy* | Nghị lực của nữ sinh đến trường trên lưng mẹ - Cổng Thông Tin Hội Liên hiệp  Phụ nữ Việt Nam*Cõng bạn khi bạn bị thương* |   - GV yêu HS làm việc theo nhóm đôi và thảo luận: *Trao đổi với bạn về những việc làm mà em đã giúp đỡ bạn bè.*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm đôi trình bày ý kiến trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr.20, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:  *Bài đọc* ***Lớp trưởng lớp tôi*** *kể về nhân vật Vân – một bạn lớp trưởng trong hành trình chinh phục các bạn trong lớp và được mọi người yêu quý, tin tưởng như thế nào?*    **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ ngữ khó, cách ngắt nghỉ đúng ở các câu.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV đọc mẫu cho HS nghe: *Đọc diễn cảm, đọc với giọng kể thong thả; nhấn giọng ở những từ miêu tả tâm trạng, hoạt động của các bạn nhỏ .*  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:  *+ Luyện đọc một số từ khó: sôi nổi, lớp nhanh nhảu, nửa lời, điền bản đồ, lắp bắp, ,*  *+ Một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:*   * *Giọng Lâm “Voi”, Quốc “lém” và nhân vật “tôi” tỏ ra chê bai, không phục và không vui khi thấy Vân làm lớp trưởng: “Lớp trưởng gì mà vừa gầy vừa thấp bé, chẳng có dáng tí nào!/ Lớp trưởng phải nhanh nhảu. Cái Vân thì cạy rang chẳng nói được nửa lời./* * *Giọng Quốc hớt hải, lo lắng vì quên trực nhật: “ Chết tớ rồi! Hôm nay đến phiên trực nhật, tớ lại ngủ quên.”* * *Giọng điệu vui mừng, ngạc nhiên khi thấy Vân mang kem tới: “Kem! Kem! Các cậu ơi!* * *Giọng điệu khen ngợi, thán phục Vân: “Vân không chỉ học chăm mà còn học rất giỏi”,/ “Vân nhỏ người thật nhưng xốc vác lắm đấy”, “Vân hiền lành, ít nói mà giỏi đáo để, ai cũng phải nể phục.”*   - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:  *+ Đoạn 1 (từ đầu đến ... chẳng hơn tôi.): đọc với giọng kể thong thả; thể hiện thái độ của Lâm “Voi”, Quốc “Lém” và “tôi” tỏ ý chê bai, không phục Vân, không vui khi thấy*  *Vân làm lớp trưởng.*  *+ Đoạn 2 (từ Giờ trả bài hôm qua... đến ..thở phào.): giọng đọc lúc đầu thong thả, sau đó gấp gáp (thể hiện sự hớt hải, lo lắng của Quốc), rồi trở lại thong thả (thể hiện sự ngạc nhiên, tâm trạng nhẹ nhõm của cả lớp khi thấy lớp đã được vệ sinh gọn gàng, sạch sẽ).*  *+ Đoạn 3 (từ Buổi chiều... đến ... lao động hè...): giọng đọc sôi nổi, thể hiện sự mừng rỡ, ngạc nhiên của các bạn khi thấy Vân mang kem đến; thể hiện giọng của Vân hồ hởi.*  *+ Đoạn 4 (phần còn lại): giọng đọc hồ hởi, thể hiện sự thán phục, tin tưởng của các bạn nam trong lớp khi nói về Vân.*  *\* Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để tuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó:  + *sơ tán: chuyển, đưa (nghĩa trong bài)*  *+ hớt hải: từ gợi tả dáng vẻ vội vàng, hoảng sợ lộ rõ ở nét mặt, cử chỉ.*  *+ nhễ nhại: chảy thành nhiều dòng làm ướt đẫm thân thể (thường nói về mồ hôi).*  *+ xốc vác: có khả năng làm được nhiều việc, kể cả việc nặng nhọc.*  *+ giỏi đáo để: rất giỏi*  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong PHT:    + *Câu 1. Nhân vật “tôi” và các bạn Lâm, Quốc mong muốn có một lớp trưởng như thế nào?*  *+ Câu 2. Vì sao khi Vân mới được bầu làm lớp trưởng, một số bạn cảm thấy không tin tưởng?*  *+ Câu 3. Các bạn đã thay đổi cách nghĩ về lớp trưởng Vân như thế nào?*  *+ Câu 4. Điều gì đã khiến các bạn thay đổi suy nghĩ về Vân?*  *+ Câu 5. Nếu là một thành viên trong lớp, em sẽ nói gì về lớp trưởng Vân?*  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các câu tìm hiểu bài.  - HS báo cáo kết quả. GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi truyền điện: *Trò chơi thực hiện như sau: GV gọi một bạn bất kì đứng lên trả lời câu hỏi thứ nhất và bạn đó sẽ gọi bạn tiếp theo cho đến khi kết thúc các câu hỏi trong PHT*  - GV nhận xét và chốt đáp án:  *+ Câu 1: Lâm muốn lớp trưởng không gầy gò, thấp bé, mà phải “có dáng”; Quốc muốn lớp trưởng phải nhanh nhảu; “tôi” muốn lớp trưởng phải học giỏi.*  *+ Câu 2: Vì các bạn thấy Vân không phù hợp với hình mẫu mà mình mong đợi: Vân vừa gầy vừa thấp bé, không “có dáng”, ít nói, chỉ chăm học chứ không học giỏi nổi trội.*  *+ Câu 3: “Tôi” thấy Vân không chỉ học chăm mà còn học rất giỏi; Lâm thấy Vân tuy nhỏ người nhưng xốc vác; Quốc thấy Vân hiền lành, ít nói nhưng giỏi, ai cũng phải nể phục.*  *+ Câu 4: Đó chính là những việc làm cụ thể của Vân, khiến các bạn nể phục: chăm học và đạt kết quả cao trong học tập; bao quát tốt công việc trong lớp và sẵn sàng hỗ trợ bạn; rất “tâm lí”, chu đáo, biết quan tâm tới các bạn trong lớp; nhanh nhẹn, xốc vác: biết dùng tiền quỹ lớp đúng mục đích, biết “ngoại giao” để mượn thùng của bà bán kem; …*  *+ Câu 5: Vân rất xứng đáng làm lớp trưởng lớp mình! / Tớ phục Vân lắm! / …*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nhắc lại được nội dung, ý nghĩa bài đọc; xác định được giọng đọc của nhân vật.  - Luyện đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa bài đọc*Lớp trưởng lớp tôi*.  - GV tổ chức cho HS đọc lại đoạn đầu và đoạn cuối và xác định giọng đọc đoạn này:   * *Lớp trưởng gì mà vừa* ***gầy*** *vừa thấp* ***bé****, / chẳng có dáng tí nào!* * *Lớp trưởng phải* ***nhanh nhảu****. // Cái Vân thì cạy răng chẳng nói* ***nửa lời****.* * *Nhưng vào lớp, / chúng tôi rất ngạc nhiên: / Lớp* ***sạch như lau****, / bàn ghế ngay ngắn.* * *Lâm trố* ***mắt*** *nhìn, / còn Quốc thì* ***thở phào****.* * ***Bây giờ****, / có ai hỏi về lớp trưởng lớp tôi, / tôi sẽ* ***tự hào*** *nói: / “Vân không chỉ học chăm mà còn* ***học rất giỏi****.”. // Hỏi Lâm, / chắc nó sẽ* ***oang oang****: / “Vân* ***nhỏ người*** *thật nhưng* ***xốc vác lắm đấy****.”. // Còn Quốc chẳng phải hỏi, / cũng sẽ* ***khoe ngay****: / “Vân hiền lành, ít nói mà* ***giỏi đáo để****, / ai cũng phải* ***nể phục****.”*   - GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn đầu và đoạn cuối.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi đọc cả bài, các HS khác lắng nghe, nhận xét (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  - GV tổ chức cho HS trò chơi *Ai nhanh hơn* để củng cố bài đọc *Lớp trưởng lớp tôi*:  - GV hướng dẫn HS chơi như sau: *Chia lớp thành 4 nhóm, khi có hiệu lệnh và câu hỏi được chiếu lên màn hình, HS sẽ bấm chuông để trả lời câu hỏi.*  - GV chiếu các câu hỏi lên màn hình:  ***+ Câu 1: Truyện bao gồm những nhân vật nào?***  *A. Bốn nhân vật: Vân, Lâm, Quốc*  *B. Bốn nhân vật: Vân, Lâm, Quốc, nhân vật tôi*  *C. Bốn nhân vật: Vân, Lâm, Quốc, nhân vật tôi, cô chủ nhiệm*  *D. Bốn nhân vật: Vân, Lâm, Quốc, Hoa, cô chủ nhiệm*  ***+ Câu 2: Trả bài kiểm tra địa lí, điều gì xảy ra với nhân vật tôi và với Vân:***  *A. Vân vì chậm chạp nên còn một câu chưa làm xong, chỉ được 5 điểm. Còn nhân vật tôi lại được điểm cao nhất lớp.*  *B. Nhân vật tôi bị mất bài kiểm tra địa lí, Vân giúp cậu ta tìm lại bài kiểm tra.*  *C. Vân được 10 điểm còn nhân vật tôi vì mắc lỗi nên chỉ được 5 điểm.*  *D. Bài của Vân và của nhân vật tôi giống nhau y đúc.*  ***+ Câu 3: Có chuyện gì không hay đã xảy ra với nhân vật Quốc?***  *A. Quốc đi học muộn bị bác bảo vệ giữ ngoài cổng không cho vào lớp.*  *B. Quốc bị ngã xe nên đi học muộn, không kịp trực nhật lớp.*  *C. Quốc đi học muộn, bị lập biên bản mời bố mẹ tới giải quyết.*  *D. Quốc ngủ quên, đi học muộn, không kịp trực nhật lớp.*  ***+ Câu 4: Tìm nghĩa của từ in đậm trong đoạn văn sau:***  *Quốc vừa ăn vừa* ***tấm tắc****:*  *- Lớp trưởng “tâm lý” quá! À, bạn lấy thùng kem ở đâu ra thế?*  *A. cảm thấy còn có điều chưa hiểu, chưa thông nên muốn được giải đáp.*  *B. luôn miệng buột ra những tiếng tỏ ý khen ngợi, thán phục.*  *C. nói lên sự đánh giá tốt với ý vừa lòng.*  *D. đưa ra ý kiến xét đoán, đánh giá về một đối tượng nào đó.*  ***+ Câu 5: Ý nghĩa của câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi?***  *A. Khen ngợi một bạn lớp trưởng nữ vừa giỏi lại vừa chu đáo, xốc vác trong công việc của lớp khiến các bạn nam ai cũng phải nể phục. Từ đó cho thấy phái nữ không phải lúc nào cũng yếu đuối như mọi người vẫn nghĩ.*  *B. Phê bình sự mất đoàn kết của các bạn học sinh trong lớp học.*  *C. Cẩm nang dành cho các bạn đang làm lớp trưởng, làm thế nào để lớp lớn mạnh và các bạn trong lớp đoàn kết với nhau.*  *D. Chỉ ra những thất bại của một bạn lớp trưởng không có năng lực và trách nhiệm trong công việc.*  - GV chốt đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. B | 2. C | 3. D | 4. B | 5. A |   - GV tổng kết hoạt động, nhận xét và tuyên dương nhóm đã chiến thắng.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ:**  - GV mời 1 – 2 HS nhắc lại ý nghĩa của bài đọc.  - GV nhận xét giờ học, biểu dương những HS học tốt.  - GV nhắc HS tìm đọc một số câu chuyện, bài văn, bài thơ về bình đẳng giới; ghi chép vào phiếu bài tập đọc sách theo yêu cầu trong SGK. | - HS xem tranh.  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS trình bày ý kiến trước lớp, các HS khác lắng nghe.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.  - HS đọc thầm, HS làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi trong PHT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nhắc lại nội dung bài.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  **-** HS đọc nhiệm vụ hoạt động.  - HS lắng nghe GV phổ biến trò chơi.  - HS chú ý lên màn hình và bắt đầu thực hiện trò chơi.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS thực hiện nhiệm vụ. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG (Nếu có)**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*.........................*

*Buổi chiều* **TIẾT 3: TOÁN TĂNG**

**ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ PHÂN SỐ, CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ**

( tiết 1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng đọc, viết phân số; vận dụng tính chất cơ bản của phân số; so sánh, sắp xếp các phân số.

- Quy đồng được hai phân số trong trường hợp có hai mẫu số khác nhau.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, ....

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Vở BTPTNL lớp 5 tập 1….

- HS : Vở BTPTNL lớp 5 ,bút, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động:**  **-** GV viết 2 phân số  - GV yêu cầu HS đọc phân số và nêu tử số, mẫu số  - GV nhận xét, kết luận. Giới thiệu bài  **2. Hoạt động luyện tập:**  **Bài 1 ( trang 6 – VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Cho cả lớp làm bài vào vở BT  - Gọi HS đọc nối tiếp kết quả  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung (nếu cần).  *- GV: Củng cố cách viết , cách đọc phân số*  **Bài 2 ( trang 7 – VBT PTNL)**  - Bài yêu cầu gì?  - Kết quả của phép chia còn được viết dưới dạng nào ?  - Cho cả lớp làm bài vào VBT  - Gọi HS làm bảng lớp  - GV nhận xét  *- GV: Củng cố cách viết thương của phép chia dưới dạng phân số*  **Bài 4( trang 7 – VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Nêu các so sánh hai phân số, so sánh phân số với 1  - Yêu cầu HS làm VBT  - Gọi 4 HS lên bảng làm 4 phép so sánh  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét  *- GV: Củng cố lại cách so sánh hai phân số*  **Bài 5( trang 7 – VBT PTNL)**  - Bài yêu cầu gì?  - Nêu các bước quy đồng mẫu số hai phân số  - Yêu cầu HS làm VBT  - Gọi 4 HS lên bảng làm 4 câu tương ứng  - GV nhận xét, chốt kết quả  - Cho HS đổi chéo vở kiểm tra  *- GV: Củng cố lại cách quy đồng mẫu số hai phân số*  **4. Vận dụng :**  - GV nhận xét tiết học.  - HS nêu lại nội dung bài | - HS nêu  - HS đọc đề  - Cả lớp làm vào vở  - HS đọc nối tiếp  - Nhận xét, bổ sung.  - HS nêu  - HS trả lời: Viết dưới dạng phân số  - Cả lớp làm vở BT  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS đọc: Đặt tính rồi tính  - HS nêu  - Cả lớp làm vở  - 4 HS làm bảng lớp  - HS nhận xét  - HS nêu: Quy đồng mẫu số các phân số  - HS trả lời  - HS thực hiện  - 4 HS làm bảng lớp  - HS đổi chéo vở kiểm tra  - HS lắng nghe  - HS nêu lại nội dung bài |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

........................................................................................................................................................................................................................................................................

..............................................................................................

**.............................................................................................**

**Thứ ba ngày 24 tháng 9 năm 2024**

**Buổi sáng TIẾT 1: ĐẠO ĐỨC**

**BÀI 1: EM BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG**

**VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (TIẾT 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.
* Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước
* Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
* Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học:* Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề (qua hoạt động sắm vai).
* *Giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập (qua hoạt động thảo luận nhóm).

***Năng lực riêng:***

* *Điều chỉnh hành vi:*
* *Nhận thức chuẩn mực hành vi:* Nêu được lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.
* *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:* Đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; Không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.
* *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Thể hiện được lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**3. Phẩm chất**

* *Yêu nước:* Kính trọng, biết ơn người có công với quê hương, đất nước.
* *Nhân ái:* Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trong quá trình thảo luận nhóm.
* *Trách nhiệm:* Thực hiện những nhiệm vụ cá nhân và nhóm trong bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Đạo đức 5 (bộ sách Cánh Diều).
* Các video clip liên quan đến những người có công với quê hương, đất nước.
* Tranh, hình ảnh nội dung về những người có công với quê hương, đất nước.
* Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SHS Đạo đức 5.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho hs chơi trò chơi: Gọi thuyền  ? Nêu việc làm thể hiện lòng biếtơn với những người có công với quê hương, đất nước  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp  **B HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức đã học về lòng biết ơn đối với người có công với quê hương, đất nước.  ***Bài tập 3: Xử lí tình huống***  - GV chia HS thành 3 nhóm và giao nhiệm cho các nhóm:  *+ Nhóm 1: Đọc và xử lí tình huống 1.*  *Trong buổi thảo luận về chủ đề Thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước, Nam cho rằng, học sinh cần chăm chỉ học tập, rèn đức luyện tài để trở thành người giúp ích cho đất nước. Nga thì cho rằng, học sinh còn nhỏ nên chỉ cần trân trọng, ghi ơn những người tham gia chống giặc ngoại xâm là đủ.Nếu là thành viên của lớp, em sẽ đưa ra ý kiến của mình như thế nào?*  *+ Nhóm 2: Đọc và xử lí tình huống 2.*  *Mẹ của Lam là giáo viên xung phong đi giảng dạy ở vùng hải đảo. Lam ở nhà với bà. Các bạn trong lớp đều rất cảm phục và muốn giúp đỡ Lam, nhưng chưa biết phải làm thế nào.Nếu là thành viên của lớp, em sẽ đề xuất cách gì để giúp đỡ Lam?*  *+ Nhóm 3: Đọc và xử lí tình huống 3.*  *Nhân kỉ niệm ngày Giải phóng miền Nam, cô giáo lên kế hoạch tổ chức đến thăm và tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ ở địa phương. Các bạn đều rất nhiệt tình, riêng Long không tham gia vì bận đi đá bóng. Nếu là bạn cùng lớp với Long, em sẽ nói gì với Long?*  - GV khuyến khích HS xây dựng kịch bản, đóng vai và xử lí tình huống.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi tình huống của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *+ Tình huống 1: Em nêu ra sự đồng tình với ý kiến của cả hai bạn tuy nhiên hai bạn cần thay đổi ý kiến của bản thân. Vừa phải tích cực rèn luyện để trở thành người có ích đồng thời luôn trân trọng, ghi ơn những người có công chống giặc ngoại xâm.*  *+ Tình huống 2: Các bạn nên giải thích cho Lam hiểu việc mẹ Lam đang làm là công việc vô cùng thiêng liêng, đáng trân trọng, khô chỉ thể hiện lòng biết ơn đối với thế hệ trước mà còn là tấm gương sáng cho thế hệ sau. Các bạn nên động viên, giúp đỡ Lam trong học tập cũng như trong cuộc sống thường ngày để bạn tự hào về mẹ và cố hơn mỗi ngày.*  *+ Tình huống 3: Các bạn nên giải thích cho Long về ngày kỉ niệm quan trọng này thể hiện sự tri ân, kỉ niệm thành công, chiến thắng của dân tộc bằng sự hy sinh của cha anh. Đi đá bóng có thể có rất nhiều cơ hội nhưng ngày này trong năm chỉ diễn ra một lần.*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn qua những việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với người có công với quê hương, đất nước.  **b. Cách tiến hành**  ***Bài tập 3:***  - GV khuyến khích HS nhắc nhở bạn bè thể hiện lòng biết ơn với những người có công với quê hương đất nước.  - GV chia sẻ lời khuyên cho HS:  *Biết ơn người có lông lao*  *Làm nên đất nước tự hào hôm nay*  *Luyện tài, rèn đức mỗi ngày*  *Mai sau khôn lớn, dựng xây nước nhà.*  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước.*  + Thể hiện được lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.  + Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.  + Đọc trước *Bài 2 – Tôn trọng sự khác biệt của người khác* (SHS tr.11). | - HS chia sẻ  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  HS HĐ nhóm  .  - Chia se  - HS lắng nghe  - HS phát biểu.  - HS lắng nghe, tiếp thu  - HS lắng nghe, thực hiện |

**........................................................................**

**TIẾT 2: ĐẠO ĐỨC**

**EM TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác.

- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

- Thể hiện được bằng lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

- Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...

**2. Phát triển các năng lực chung**

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có ý thức tôn trọng người khác trong giao tiếp, thể hiện thái độ lịch sự, hoà nhã, đúng mực trong các hoàn cảnh, đối tượng khác nhau.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Tự tìm hiểu các tình huống giao tiếp, ứng xử, hành động đúng sai thông qua sách, báo, phim….

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Từ kiến thức trong bài học, học sinh có cách ứng xử, hành động phù hợp trong các hoàn cảnh khác nhau.

**3. Phẩm chất chủ yếu:**

- Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với thái độ, hành vi của mình và mọi người xung quanh.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh ảnh, video về sự khác biệt giữa màu da, giới tính,…

– HS chuẩn bị: SGK *,* vở ô li, vở bài tập, …

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **- GV chiếu video và tổ chức cho HS vừa múa vừa hát theo bài: “ Trái Đất này là của chúng mình”.**  **- Kết thúc video, GV hỏi HS em có biết bài hát nhắc đến những người có màu da như thế nào? Theo em màu da con người là do yếu tố nào tạo nên?**  **- GV giới thiệu bài.** | * **HS xem video, múa hát theo.**   **- HS nêu.** |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**   * HS kể được một số biểu hiện tôn họng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác. * HS nhận biết được vi sao phải tôn trọng sự khác biệt của người khác. | |
| **Hoạt động 1: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu**  **\* Cách tiến hành:**  - B1: Làm việc nhóm đôi:  + GV yêu cầu HS HS quan sát các tranh trong SGK trang 12 và thực hiện yêu cầu.  *a. Bạn nào trong các tranh trên thế hiện tôn trọng sự khác biệt? Em hãy nêu biếu hiện tôn trọng sự khác biệt trong các tranh.*  *b. Em hãy kế thêm một số biếu hiện tôn trọng sự khác biệt với mọi người xung quanh.*  - B2: Làm việc cả lớp:  + GV mời một số nhóm trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  + GV nhận xét.  - GV hỏi thêm: Em hãy kể thêm những biểu hiện thể hiện sự tôn trọng người khác?  + GV chốt lại kiến thức: Chúng ta cần tôn trọng sự khác biệt của người khác: màu da, ngoại hình, trang phục, sở thích, hoàn cảnh…  **Hoạt động 2: Đọc câu chuyện và trả lởi câu hỏi**  **\* Cách tiến hành**  *- B1: Làm việc nhóm đôi:*  - GV cho HS đọc câu chuyện *Màu của cầu vồng* trong SGK trang 13 và thảo luận trả lời câu hỏi.  *+ Các màu sắc tranh luận với nhau về vấn đề gì?*  *+ Theo em, vì sao phải tôn trọng sự khác biệt?*  - B2: Làm việc cả lớp:  + GV mời HS trình bày ý kiến sau thảo luận.  + GV mời HS nhận xét ý kiến của bạn.  + GV nhận xét, tuyên dương HS. | - HS quan sát tranh, làm việc nhóm đôi.  - HS cùng nhau hỏi và trả lời trong nhóm.  - HS trả lời:  + Tranh 1: Tôn trọng trang phục dân tộc mà bạn nữ đang mặc.  + Tranh 2: Hai bạn nữ tôn trọng sở thích đọc sách của Lan.  + Tranh 3: Bạn nữ tôn trọng khuyết điểm nói lắp của Khánh, góp ý bạn nam bên cạnh không nên trêu chọc Khánh vì Khánh sẽ buồn.  + Tranh 4: Bạn nữ tôn trọng hoàn cảnh gia đình của Liên, thau cảm với hoàn cảnh khó khăn của Liên.  + Tranh 5: Bạn nữ tôn trọng ngoại hình, cách ăn mặc của bạn mới chuyển đến; nhiệt tinh, cởi mở mời bạn mói đến ngồi cạnh minh.  + HS kể thêm: tôn trọng sự khác biệt màu da của mọi người; không chê bai ngoại hình về: chiều cao, cân nặng, giới tính,... của người khác.  -Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, ghi vở.  - HS đọc câu chuyện.  - HS thảo luận trả lời câu hỏi.        - HS trình ý kiến.  + Các màu sac đều tự cho rằng bản thân mình là quan trọng nhất, nối bật nhất.  + Mỗi sự vật, hiện tượng, mỗi người trên cuộc sồng này đều mang những nét đẹp riêng biệt, đó chính là duy nhất. Chính nhờ tôn trọng sự khác biệt của nhau sẽ làm cho mọi sự vật, hiện tượng, con người tuy khác nhau, nhưng cùng kết lại trong một sự hoà họp, đa dạng, phong phú, tạo nên nhiều điều thú vị của cuộc sống.  - HS nhận xét, góp ý |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  - GV nêu câu hỏi: *Kết thúc bài học hôm nay, các em hãy cho biết tôn trọng sự khác biệt là gì?*  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  **\* Củng cố, dặn dò**  + GV nhân xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *- Dặn dò:*GV nhắc HS về nhà sưu tầm các câu chuyện về tôn trọng sự khác biệt để kể vào tiết học sau. | - HS nêu ý kiến cá nhân   * HS lắng nghe. * HS thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**Buổi chiều TIẾT 1: TOÁN 2**

**BÀI 6. GIỚI THIỆU VỀ TỈ SỐ (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

- Hiểu dược ý nghĩa về tỉ số cùa hai số. Luyện đọc, viết tỉ số của hai số

Làm quen với sơ đồ biêu thị tì số của hai số.

- Phát triển các NL toán học như: Thông qua việc quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về tỉ số của hai sổ, cách đọc, viết và quan sát sơ đồ đoạn thẳng biêu diễn tỉ số cùa hai số. HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giai quyết vấn dề toán học, NL giao liếp toán học.

**\*Năng lực chung:** -Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**-** Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu sử dụng phép chia để so sánh hai số.

- HS**:** SGK, VBT, đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1. Khởi động** | |
| Trò chơi Ai nhanh hơn?  - GV đưa ra một số yêu cầu, HS nào có câu trả lời nhanh thì ra tín hiệu.  + Tỉ số của 3 và 5 là bao nhiêu?  + Tỉ số của 5 và 3 là bao nhiêu?  GV viết bảng, yêu cầu HS đọc: Tỉ số 3:7; 4/3 | - HS trả lời – nhận xét |
| - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài. |  |
| **2. Luyện tập thực hành** | |
| **Bài 3.**  Gọi HS đọc đề bài | - HS đọc |
| * Bài tập có mấy yêu cầu? | - BT có 3 yêu cầu |
| -Muốn tìm tỉ số của số a với số b ta làm thế nào? | - Ta lấy số a chia số b |
| - Muốn tìm tỉ số cúc màu xanh và số cúc màu đỏ ta làm thế nào? | - Số cúc màu xanh chia số cúc màu đỏ |
| - Số cúc màu xanh là bao nhiêu? | - Số cúc màu xanh là 4c |
| - Số cúc màu đỏ là bao nhiêu? | - Số cúc màu đỏ là 5c |
| - Vậy tỉ số của số cúc màu xanh với số cúc màu đỏ là bao nhiêu? | - 4:5 hoặc 4/5 |
| - Tương tự như vậy, thực hiện phần b,c |  |
| - GV gọi HS trình bày cách viết tỉ số ở từng phần | - HS trình bày, nhận xét, bổ sung. |
| - GV nhận xét, tuyên dương |  |
| -Muốn tìm tỉ số của 2 số ta làm thế nào? | - Muốn tìm tỉ số của 2 số ta lấy số thứ nhất chia cho số thứ hai. |
| **Bài 4**.  - Gọi HS đọc bài. | -HS đọc bài. |
| - Em hiểu số tiền tiết kiệm cùa Châu gấp 4 lẩn số tiền tiết kiệm cùa Nguyên là thế nào? | * Nếu số tiền của Nguyên là 1 phần thì số tiền cùa Châu bằng 4 phần. |
| * Quan sát sơ đồ đoạn thẳng, trong đó số tiền của Nguyên biểu diễn bằng 1 đoạn thẳng, so tiền của Châu biểu diễn bằng 4 đoạn thẳng (các đoạn thẳng bằng nhau). | -HS lắng nghe |
| -Thảo luận nhóm đôi: Hãy trao đổi, suy nghĩ để tìm tỉ số số tiền của Nguyên và số tiền của Châu. | - HS thảo luận nhóm đôi. Trả lời câu hỏi. |
| -Gọi các nhóm trình bày | - Các nhóm trình bày, nhận xét, đặt câu hỏi nếu có. |
| -GV nhận xét chung |  |
| * GV tóm tăt *tiên trình* giãi bài toán: số tiền tiết kiệm cùa Nguyên chiếm 1 phần thì của Châu chiếm 4 phần 🡪 Sơ đồ hoá 🡪 Chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số. | - HS lắng nghe |
| * Ngược lại, tỉ số số tiền của Nguyên và số tiền của Châu là ¼ nghĩa là số tiền của Nguyên 1 phần thì số tiền của Châu bằng 4 phần như thế. | - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | |
| **Bài 5**. Yêu cầu HS tự đọc bài | HS đọc bài |
| Số vở của Minh bằng 2/5 số vở của Khuê nghĩa là gì? | Nghĩa là số vở của Minh là 2 phần thì số vở của Khuê bằng 5 phần như thế. |
| GV hướng dẫn biểu diễn trên sơ đồ đoạn thẳng. | HS quan sát |
| Qua sơ đồ, hãy thực hiện các yêu cầu của bài tập. Suy nghĩ tìm cách chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số của hai sô rồi viết câu trả lời. | HS thực hiện |
| Yêu cầu HS chia sẻ cùng bạn | HS chia trẻ trong nhóm |
| Gọi HS trình bày trước lớp | - Trả lời:  a) Tỉ số giữa số vở của Minh và số vở của Khuê là 2 : 5 hay 2/5.  b) Tỉ số giữa số vở của Khuê và số vở của Minh là 5 : 2 hay 5/2  c) Ti sô giữa số vở của Minh và tổng số vở của hai bạn là 2 : 7 hay 2/7  - Nói cho bạn nghe cách làm. |
| Như vậy, tỉ số của 2 số có thể được biểu thị qua sơ đồ đoạn thẳng. |  |
| Hãy lấy ví dụ minh chứng | HS phát biểu |
| **Củng cố, dặn dò**  - Qua bài này, các em biết thêm được điêu gì? | -HS phát biểu, nhắc lại nội dung bài |
| * Nhắc HS về nhà, các em ôn các vân đề: Tỉ số của hai số, cách đọc, viết các tỉ số; quan sát sơ đồ đoạn thẳng biều diễn tỉ số cua hai số rồi tìm cách chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số của hai số. |  |
| - Tìm tình huống thực tế liên quan đến ti số của hai số, hôm sau chia sé với các bạn. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 3**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC**

**(Cấu tạo của đoạn văn)**

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

Nắm được cấu tạo của bài văn tả người.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Bước đầu biết cảm nhận cái hay, cái đẹp của việc lựa chọn, sắp xếp các chi tiết trong bài văn tả người; trao đổi được với bạn về cảm nhận của bản thân.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

Phát triển NL tự chủ và tự học (tự giải quyết nhiệm vụ học tập: xác định được cấu tạo của bài văn tả người), NL giao tiếp (biết trao đổi với bạn). Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc nhân văn, lành mạnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập dành cho HS.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** | |
| – GV cho HS chơi trò chơi khởi động: “Người ấy là ai”. Một học sinh lên miêu tả ngoại hình của một bạn trong lớp, bạn nào đoán đúng tên của bạn được miêu tả thì sẽ được quyền lên đố, miêu tả ngoại hình của một bạn khác trong lớp.  – GV giới thiệu bài: Trong trò chơi vừa rồi, các bạn đã miêu tả rất tốt ngoại hình của các bạn trong lớp để đố các bạn. Vậy, để tả một người thì chúng ta sẽ tả như thế nào? - Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về cấu tạo của bài văn tả người. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| **2. Hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo của bài văn tả người.**  - GV mời 2 HS đọc nối tiếp BT 1 ở phần *nhận xét*. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  + *Bài văn dưới đây có mấy đoạn?*  *+ Nêu tóm tắt nội dung từng đoạn?*  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 2 ở phần nhận xét.  - HS suy nghĩ cá nhân để tìm câu trả lời. GV cho HS báo cáo bằng cách ghép thẻ. Một HS lên bảng ghép các đoạn vào các phần phù hợp. Các HS khác quan sát, nhận xét bạn.  *-* Giáo viên sử dụng phương pháp hỏi đáp để giúp học sinh rút ra bài học:  *+ Bài văn tả người có cấu tạo gồm mấy phần?*  *+ Nội dung của mỗi phần là gì?*  – GV chiếu nội dung bài học, yêu cầu học sinh đọc và ghi nhớ nội dung bài học.  – GV mời 2 – 3 HS đọc nội dung bài học. Cả lớp đọc thầm theo.  – GV có thể nhấn mạnh ý hoặc trình bày sơ đồ để HS nắm chắc bài học. | - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.  - Bài văn có 5 đoạn:  Các đoạn trong bài văn  Đoạn 1 (từ đầu đến … *Đẹp quá*!) Mở đầu bài văn; giới thiệu người sẽ tả: Hạng A Cháng.  Đoạn 2 (từ *A Cháng đẹp người*  *Thật*… đến … *trời trồng*) Tả ngoại hình, tả hoạt động của A Cháng (đeo cày, dắt trâu ra ruộng).  Đoạn 4 (từ *Tới nương*…đến …*gấp gấp*…)  Đoạn 5 (phần còn lại).Kết thúc bài văn, ca ngợi sức lực tràn trề của  A Cháng – niềm tự hào của dòng họ Hạng.  - HS đọc: Xếp các đoạn văn trên vào mỗi phần phù hợp: mở bài, thân bài, kết bài.  - HS trả lời:  + Bài văn tả người gồm 3 phần.  + Mở bài: Giới thiệu người được tả.  + Thân bài: Tả ngoại hình; tả hoạt động, tính cách.  + Kết bài: Nêu cảm nghĩ về người được tả. |
| **3. Luyện tập** | |
| **Hoạt động 2: Trao đổi với bạn về cấu tạo bài văn tả người.**  **Cách tiến hành:**  – GV mời một số HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của bài tập Luyện tập. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV cho HS thảo luận nhóm 4, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để hoàn thành BT:  *Bài văn sau đây có những điểm nào giống và khác bài văn Hạng A Cháng:*  *A. Về cấu tạo?*  *B. Về trình tự miêu tả?*  -Đại diện 1 nhóm lên trình bày, HS các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.  - GV bổ sung:  + Trong bài văn *Chị Hà*, nhà văn bổ sung thông tin giới thiệu nhân vật (chị Hà ở trong đoàn thanh niên xung kích của huyện đến giúp xã) vào phần thân bài có thể là vì nhân vật “tôi” chỉ biết thông tin ấy khi đã gặp gỡ và trò chuyện với chị Hà. Cách viết của nhà văn rất tự nhiên. Tuy nhiên, để viết cho tự nhiên như vậy rất khó. Các em mới bắt đầu tập viết bài văn tả người, chưa nên viết theo cách này.  + Mỗi phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn tả người có thể gồm một hoặc một số đoạn văn. VD: Phần thân bài của bài *Chị Hà* gồm 1 đoạn văn, còn phần thân bài của bài *Hạng A Cháng* gồm 3 đoạn văn. | -HS đọc.  - HS thảo luận và hoàn thành câu hỏi:  **Điểm giống nhau:** Về cấu tạo, bài văn có 3 phần:  + Mở bài: Giới thiệu người được tả.  + Thân bài: Tả ngoại hình và hoạt động của người được tả.  + Kết bài: Nêu cảm nghĩ về người được tả.   |  |  | | --- | --- | | Điểm khác nhau | | | Bài văn Hạng A Cháng | Bài văn Chị Hà | | - **Về cấu tạo**: Thân bài gồm 3 đoạn văn.  - **Về trình tự miêu tả**: Tả ngoại hình trước, tả hoạt động sau. | - **Về cấu tạo**: Thân bài gồm 1 đoạn văn.  - **Về trình tự miêu tả**: Tả đan xen ngoại hình và hoạt động. Đan xen 1 câu giới thiệu thêm về nhân vật khi tả ngoại hình (Chị đến trong đoàn … giống lúa mới). | |
| **4. Vận dụng** | |
| - HS nhắc lại nội dung bài học.  - GV nhận xét tiết học; biểu dương những HS tiến bộ.  - GV dặn HS đọc lại 2 bài văn Hạng A Cháng, Chị Hà để chuẩn bị cho Bài viết 2. | - HS nêu lại.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**TIẾT 3: TIẾNG VIỆT TĂNG**

**LUYỆN TẬP: TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố, khắc sâu và nâng cao kiến thức về từ đồng nghĩa

- Tìm được các từ đồng nghĩa với từ cho trước, điền được từ đồng nghĩa vào câu văn cho đúng, nhóm từ đồng nghĩa.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

- Yêu tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng nhóm: Bài 3.

**III.Các hoạt động dạy- học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên:**  **1. Hoạt động Mở đầu**  - Cho HS hát  -Giới thiệu về môn học, tiết học.  **2. Luyện tập - Thực hành**  ***HĐ1: Ôn lí thuyết.***  - Thế nào là từ đồng nghĩa ?  - Thế nào là từ đồng nghĩa hoàn toàn ? Lấy ví dụ | **Hoạt động của học sinh**  - HS trả lời |
| - Thế nào là đồng nghĩa không hoàn toàn ? Lấy ví dụ .  -Tìm từ đồng nghĩa với từ “đẹp”, “ học tập” . Đặt 1 câu với từ em vừa tìm được.  - GV nhận xét.  *Chốt: Sử dụng từ đồng nghĩa đúng văn cảnh, đúng nghĩa.*  ***HĐ2: Thực hành.***  **Bài 1.** Hãy xếp các từ dưới đây thành từng nhóm từ đồng nghĩa:  Má,lênh khênh, tàu hoả, mẹ, xe hoả,máy bay, ăn, xơi,nhỏ, bé, rộng, rộng rãi, bao la, bầm, u, xe lửa, phi cơ, tàu bay, ngốn, đớp, loắt choắt, bé bỏng, bát ngát, mênh mông, cao.  - Cho HS xác định yêu cầu của đề –lầm bài cá nhân –chữa bài  - GV chốt câu trả lời đúng.  *Chốt cách xếp từ đồng nghĩa theo nhóm.*  **Bài 2**. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn (sinh, chết, đẻ, qua đời) để điền vào chỗ trống trong các câu sau:  - Em bé mới … ra đã cân được ba cân bảy.  - Anh Kim Đồng… ra và lớn lên trong một gia đình lao động nghèo khổ.  - Ngày ông tôi … , cả xã đều thương tiếc và tiễn đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng.  - Tên giặc trúng đạn … ngay không kịp kêu lên một tiếng.  KL: Thứ tự các từ cần điền: đẻ, sinh, qua đời, chết.  - GV yêu cầu HS thay thế các từ trong câu 1 và 2, câu 3 và 4, nhận xét về câu vừa điền.  *Củng cố về cách sử dụng từ đồng nghĩa trong câu, lưu ý khi sử dụng từ đồng nghĩa để nói, viết.*  **Bài 3**: Đặt câu với mỗi từ trong nhóm từ đồng nghĩa ở bài 1.  - Cho HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài và chữa bài.  - GV chữa bài, đánh giá, nhận xét.  *Chốt: Lựa chọn từ đồng nghĩa cho phù hợp với từng đối tượng*  **Bài 4.** Điền thêm từ đồng nghĩa với từ đã cho vào chỗ trống.  a. Từ a. Từ đồng nghĩa với từ *nhỏ* là:……….  b.Từ đồng nghĩa với từ *vui* là:………..  c.Từ đồng nghĩa với từ *hiền* là:………  *KL: Nhỏ: bé, bé tí, bé nhỏ, tí hon.*  *Vui: sướng, mừng, phấn khởi, vui mừng.*  *Hiền: lành, hiền lành, hiền từ, nhân từ.*  *GV nhận xét, củng cố về tìm từ đồng nghĩa*. | KKHS lên bảng tìm và đặt câu.  - Lớp nhận xét.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - Hoạt động cá nhân.–chữa bài  a) Má, u, bầm, mẹ, .  b) tàu hoả,xe hoả, xe lửa.  c) máy bay, phi cơ, tàu bay.  d) ăn, xơi, ngốn, đớp.  e) nhỏ, bé, loắt choắt, bé bỏng.  g)rộng, rộng rãi, bao la, bát ngát, mênh mông.  h) cao, lênh khênh  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm cá nhân.  - 2 HS lên bảng làm bài.  - HS trình bày bài  - Lớp nhận xét, bổ sung.  - Thay thế bằng các từ đồng nghĩa như vậy không phù hợp vì ý nghĩa câu văn thay đổi.  - HĐ cá nhân  - Đặt được câu với một trong các từ đồng nghĩa ở bài 2: đúng ngữ pháp, hợp nghĩa.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS thảo luận nhóm đôi.  - 1 nhóm trình bày vào bảng nhóm.  - HS trình bày.  - HS đặt câu với 1 từ vừa tìm được.  - Nhận xét. |

**3. Vận dụng**

- HS vận dụng kiến thức để làm các bài tập tương tự .

- Giáo viên nhận xét tiết học.

- Chuẩn bị bài sau:

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ tư ngày 25 tháng 9 năm 2024*

***Buổi sáng* TIẾT 1: TOÁN 3**

**BÀI 7. TÌM HAI SỐ KHI BIÉT TỔNG VÀ TỈ SỐ CÙA HAI SỐ ĐÓ (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CÂN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

- Biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tông và tỉ sô cua hai sô dó” và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiền đơn gian.

**\*Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội dược phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số cùa hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Chuẩn bị một số tình huống đơn gian dần tới nhu cầu tìm hai số khi biết tống và tì số cùa hai số đó.

- Bàng phụ, phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động** | |
| * Chia sẻ 1 tình huống thực tế liên quan den tỉ số của hai số. | - HS chia sẻ |
| - Tổ chức cho HS quan sát tranh và TLCH |  |
|  | - HS quan sát tranh |
| - Có mấy loại bóng? | - Có 2 loại bóng (xanh và dò). |
| - Tổng số bóng của cả hai loại là bao nhiêu quả? | - Có tất cá (nghĩa là: tổng số bóng xanh và do) 15 quà bóng |
| - Tỉ sô bóng xanh và bỏng đó bao nhiêu? | - Tỉ sô bóng xanh và bóng đó là 2/3 |
| Tính số bóng xanh và số bóng đỏ. |  |
| - Bài toán đưa ra đã cho biết gì? | - Cho biết tổng số bóng của 2 loại và tỉ số của 2 loại bóng đó |
| - Bài toán yêu cầu gì? | - Tìm hai loại bóng xanh và bóng đỏ |
| - Vậy làm thế nào để tìm hai số khi biết Tổng và tỉ số của hai số đó, chúng ta cùng tìm hiểu. | HS lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức** | |
| **Bài 1.**  Đọc và phân tích bài toán. | * 2 HS đọc, phân tích. HS khác theo dõi |
|  | + Bài toán cho biêt: Tòng hai sô 15. Ti sô của hai sô là 2/3.  + Bài toán hói: “'Tìm hai số đó”. |
| - Tỉ số của hai số là 2/3 biểu thị điều gì? | - Nếu số bé là 2 phần bằng nhua thì số lớn là 3 phần như thế |
| - GV hướng dẫn HS biểu thị tỉ số bằng sơ đồ. | - HS quan sát |
| * Yêu cầu HS thảo luận nhóm: thào luận cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ sô của hai số đó | - HS quan sát sơ đô, suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề và chia sẻ với bạn cùng nhóm. |
| GV gợi ý: |  |
| - Có tất cá bao nhiêu phần bằng nhau? | - Có tất cà 2 + 3 = 5 phân bảng nhau |
| - 5 phần này có giá trị bằng bao nhiêu? | - 5 phần này có giá trị bằng tổng là 15 |
| - Vậy muốn tìm giá trị 1 phần ta làm thế nào? | - Tính giá trị 1 phẩn 15:5 = 3 |
| - Muốn tìm sổ bé ta phải làm gì? | - Lấy giá trị 1 phần nhân với số phần tương ứng, ta có: số bé là: 3 x 2 = 6 |
| - Vậy số lớn bằng bao nhiêu? | - Số lớn là: 3 X 3 = 9 hoặc 15-6 = 9 |
| * Gọi HS trình bày | - HS nêu câu lời giải và trinh bày bài giải như SGK. |
| - GV chốt lại: Với dạng “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó”, khi giải thường tiến hành theo các bước:  + Bước 1: Vẽ sơ đồ.  + Bước 2: Tìm tống số phần bằng nhau.  + Bước 3: Tìm giá trị một phần.  + Bước 4: Tìm số bé.  + Bước 5: Tìm số lớn. | - HS lắng nghe, nhắc lại |
| * Yêu cầu HS thực hành qua ví dụ: Tìm hai số khi biết tổng của hai số là 21. Tỉ số của hai số là 2/5. | - HS trình bày theo các bước giải. |
| **3. Thực hành, luyện tập** | |
| **Bài 1.**  - Yêu cầu HS đọc | - HS đọc bài. |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và tỉ số của hai số đó”. | - HS xác định tổng, tỉ số của hai số trong từng trường hợp. |
| * Yêu cầu HS thực hiện vào vở | - HS làm vở, đổi vở kiểm tra chéo nếu làm xong. |
| * Gọi HS trình bày bài. | - HS trình bày, nhận xét. |
| * GV nhận xét chung |  |
| **Bài 2**. Gọi HS đọc bài |  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và ti số của hai số đó”. | - HS xác định tổng, tỉ số của số lít sơn màu xanh và số lít sơn màu trắng. |
| * HS làm bài nhóm đôi | -Vẽ sơ đồ, suy nghĩ tìm mối quan hệ giữa số lít sơn xanh, trắng và tổng rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | - HS trình bày bài vào vở |
| - Yêu cầu HS đổi vờ, chừa bài và nói cho bạn nghe cách làm. | - HS trao đổi vở, 1 HS làm bảng lớp.  - Nhận xét, báo cáo các bài làm. Đặt câu hỏi nếu có. |
| - GV nhận xét chung.  Chốt lại các bước giải. |  |
| **4. Vận dụng**  -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì?  -Về nhà các em có thể tìm thêm các bài toán có dạng cần tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó và chuẩn bị cho tiết 2 | Tìm cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số  -HS nghe để thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**..............................................................**

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 4**

**TRAO ĐỔI:*BẠN NAM, BẠN NỮ***(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

– HS phát biểu được cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi

hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó.

– Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

– Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn trong khi trao đổi để đặt CH hoặc phát biểu ý kiến.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

– Bước đầu biết lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm nghĩ về câu chuyện hoặc nhân vật trong câu chuyện.

– Bước đầu biết lựa chọn từ ngữ phù hợp để nêu ý kiến của mình về bài nói của bạn.

**2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự tin; có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe). Có suy nghĩ đúng đắn: có nhận thức đúng về bình đẳng giới; biết quan tâm, giúp đỡ bạn; biết trân trọng những suy nghĩ và hành động tốt của bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò: “Tiếp sức”.  - Luật chơi: GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 6 bạn đứng thành 2 dãy, lần lượt các thành viên trong nhóm sẽ lên viết những ưu điểm của nam và nữ. (VD: Nhóm nam sẽ viết ưu điểm của nữ, nhóm nữ sẽ viết ưu điểm của nam).  – GV giới thiệu bài: Trong trò chơi vừa rồi, các bạn đã kể được rất nhiều ưu điểm của bạn nam và bạn nữ. Trong tiết *Nói và nghe* hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau chia sẻ cảm nghĩ về một bạn trong câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc nêu cảm nghĩ vì chính câu chuyện này. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Thực hành luyện tập** | |
| **Hoạt động 1: Phát biểu được cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó.**  - GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài (Lựa chọn 1 trong 2 đề: Phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong truyện “Lớp trưởng lớp tôi”. / Phát biểu cảm nghĩ của em về câu chuyện “Lớp trưởng lớp tôi”.)  - HS đọc yêu cầu và gợi ý ở các đề 1, 2.  - GV hỏi 1 – 2 HS làm mẫu:  + Em chọn đề nào?  + Nếu HS chọn đề 1: Em sẽ nêu cảm nghĩ về nhân vật nào? Vì sao em chọn nhân vật đó? (Ngoài nhân vật lớp trưởng Vân, HS có thể thích các nhân vật khác như Lâm “Voi”, Quốc “Lém” hoặc “tôi” – vì các nhân vật ấy khi đã hiểu Vân thì đều thay đổi cách đánh giá về bạn; hoặc vì Lâm “Voi”, Quốc “Lém” có những biệt hiệu rất ngộ nghĩnh.).  + Nếu HS chọn đề 2: Em thích nhất điều gì ở câu chuyện đó? Vì sao?  – GV tổ chức cho HS ngồi thành 2 dãy: dãy chọn đề 1 và dãy chọn đề 2.  **Hoạt động 2: Trao đổi suy nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó với các bạn trong nhóm.**  - GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 HS để thảo luận.  - HS luân phiên trình bày và thảo luận theo gợi ý trong SGK:  **Đề 1:** Phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong truyện “Lớp trưởng lớp tôi”.  - Giới thiệu nhân vật: tên nhân vật; nêu ý kiến về hoạt động, tính cách của nhân vật (những suy nghĩ, hành động của nhân vật khiến em chú ý, cảm thấy thú vị; cảm nghĩ của em về nhân vật; điều em muốn nói với nhân vật;...);...  - Trao đổi về nhân vật mà bạn giới thiệu.  **Đề 2:** Phát biểu cảm nghĩ của em về câu chuyện“Lớp trưởng lớp tôi”.  - Nêu ý kiến về câu chuyện: những chi tiết trong câu chuyện khiến em thích thú và lí do em thích những chi tiết đó; câu chuyện có những nhân vật nào, nhân vật để lại cho em ấn tượng sâu sắc / đặc biệt nhất và lí do, điều câu chuyện muốn nói với em, bài học em rút ra được cho bản thân qua câu chuyện, …  - Trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.  - GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. | - HS lắng nghe.  - HS đọc.  - Học sinh tiến hành lựa chọn đề và ngồi theo dãy bàn giáo viên phân công.  – HS thảo luận và luân phiên trình bày trong nhóm.  - Một số HS trình bày ý kiến trước lớp; trả lời câu hỏi của các bạn hoặc đặt CH, mời cả lớp thảo luận về ý kiến của bạn.  - Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vắn tắt về ý kiến của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt câu hỏi, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện; kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của HS trong khi nghe.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng**  - Học sinh về nhà nói lại suy nghĩ của bản thân về câu chuyện Lớp trưởng lớp tôi hoặc về một nhân vật trong câu chuyện đó.  - GV dặn dò, nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe và thực hiện |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

:......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**.................................................................**

**Buổi chiều TIẾT 2+3: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (tiết 3,4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng....).
* - Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
* Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
* Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
* Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Giao tiếp và hợp tác:* làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.

***Năng lực riêng:***

* Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng....).
* Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
* Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
* Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
* Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

**3. Phẩm chất**

* *Trách nhiệm:* có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
* *Chăm chỉ:* hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, Vở bài tập Lịch sử 5.
* Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc lược đồ hình 1 trang 11 SGK phóng to.
* Một số hình ảnh minh hoạ về vai trò của tài nguyên thiên nhiên và khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống (nếu có).
* Máy tính, máy chiếu (nếu có điều kiện).

**2. Đối với học sinh**

* SHS Lịch sử và Địa lí 5 Cánh diều.
* Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  **- HS chơi trờ chơi**  - GV mời 1 – 2 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và ghi nhận những đáp án hợp lí:  - GV dẫn dắt HS vào bài học  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 5: Khám phá vai trò của tài nguyên thiên nhiên và một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  - Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 để hoàn thành nhiệm vụ:  *+ Nêu vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam.*  *+ Trình bày một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *+ Tài nguyên thiên nhiên có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế.*   |  |  | | --- | --- | | ***Tài nguyên*** | ***Vai trò*** | | ***Khí hậu*** | *Tạo điều kiện để phát triển nên nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng.* | | ***Nước*** | *Cung cấp nước cho sản xuất; tạo thuận lợi để phát triển ngành giao thông đường thủy, thủy điện.* | | ***Đất*** | *Tạo thuận lợi để phát triển nhiều ngành nông nghiệp với nhiều loại cây trồng như: cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu và trồng rừng.* | | ***Sinh vật*** | *Là điều kiện để phát triển các ngành công nghiệp khai thác và chế biến gỗ, giấy; ngành dược liệu; chế biến thủy hải sản; du lịch...* | | ***Khoáng sản*** | *Cung cấp nguồn nguyên liệu, nhiên liệu để phát triển các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, luyện kim, nhiệt điện, hóa chất...* |   *+ Tuy nhiên, thiên nhiên Việt Nam cũng gây ra không ít khó khăn đối với đời sống và sản xuất như: Địa hình bị chia cắt; khí hậu, chế độ nước sông thay đổi theo mùa và thất thường; nhiều thiên tai.*  - GV trình chiếu một số thuận lợi trong nông nghiệp do khí hậu đem lại.   |  |  | | --- | --- | | *Vụ mùa bội thu.* | *Trang trại bò* | | *Trang trại gà* | *Trang trại thanh long* |   - GV cho HS xem video nuôi trồng thủy sản tại hồ Núi Cốc:  <https://youtu.be/uerMIVP-n5Q>  - GV cho HS xem một số hình ảnh minh họa về thiên tai, thủy điện và khai thác khoáng sản.   |  |  | | --- | --- | | Hồ thủy điện Hòa Bình mở cửa xả đáy thứ 5 vào 20h ngày 15-6  *Đập thủy điện* | *Khai thác khoáng sản* | | Lũ lụt nghiêm trọng ở Nga, ít nhất 14 người thiệt mạng  *Ngập lụt* | *Hạn hán* | | *Xâm nhập mặn* | *Bão* |   **Hoạt động 6: Đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 6 HS: *Dựa vào hình 7 SGK tr.15, kết hợp với hiểu biết của bản thân, hãy đưa ra một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở Việt Nam.*    - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm lên trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận các đáp án hợp lí.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố kiến thức đã học về phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Trò chơi “Ai nhanh hơn?”***  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm: *Hãy viết lên bảng hoặc giấy tên một đô dãy núi, đồng bằng và sông lớn ở Việt Nam.*  - GV mời các nhóm trình bày kết quả trước lớp. Đội nào thực hiện nha và đúng nhiều nhất sẽ chiến thắng.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  *+ Dãy núi: Dãy Hoàng Liên Sơn, dãy Trường Sơn, Bạch Mã...*  *+ Các đồng bằng lớn ở Việt Nam: Đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Cửu Long, Đồng bằng Duyên hải miền Trung*  *+ Một số sông lớn của Việt Nam theo thứ tự từ bắc vào nam: sông Hồng, sông Đà, sông Cả, sông Ba, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu...*  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành bảng theo gợi ý***  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm 6: *Hoàn thành bảng theo gợi ý.*   |  |  | | --- | --- | | **Thành phần thiên nhiên Việt Nam** | **Đặc điểm** | | Địa hình và khoáng sản |  | | Khí hậu |  | | Sông ngòi |  | | Đất và rừng |  |   - GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đưa ra đáp án:   |  |  | | --- | --- | | ***Thành phần thiên nhiên Việt Nam*** | ***Đặc điểm*** | | *Địa hình và khoáng sản* | *- 3/4 diện tích là đồi núi, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, 1/4 diện tích là đồng bằng và chủ yếu là đồng bằng phù sa sông bồi đắp.*  *- Có nhiều loại khoáng sản nhưng phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bô-xít, a-pa-tít...* | | *Khí hậu* | *- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, với tính chất gần như nóng quanh năm (trừ vùng núi cao), mưa nhiều, gió và mưa thay đổi theo mùa.*  *- Khí hậu nước ta có sự khác nhau giữa phần lãnh thổ phía bắc và phần lãnh thổ phía nam dãy Bạch Mã.* | | *Sông ngòi* | *- Có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước; tuy nhiên có ít sông lớn.*  *- Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa và có nhiều phù sa.* | | *Đất và rừng* | *- Có nhiều loại đất. Hai loại đất chiếm diện tích lớn hơn cả là đất phe-ra-rít và đất phù sa.*  *- Có nhiều kiểu rừng, trong đó rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn.* |   **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn áp dụng học môn Lịch sử và Địa lí.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS lựa chọn và thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ:  *+ Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về hiện trạng sử dụng một loại tài nguyên thiên nhiên có ở địa phương em (nước, đất, khoáng sản,...). Nhận xét việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên đó đã hợp lí chưa? Đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương em.*  *+ Nhiệm vụ 2: Vẽ, viết hoặc sưu tầm thông điệp về sử dụng hợp lí, tiết kiệm một trong những tài nguyên thiên nhiên của nước ta. Chia sẻ với các bạn và mọi người xung quanh.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV gợi ý một số thông điệp về sử dụng hợp lí, tiết kiệm nước:  *+ Tiết kiệm nước để bảo vệ hành tinh của chúng ta.*  *+ Tiết kiệm nước hôm nay là tiết kiệm nước cho tương lai.*  *+ Hãy bắt đầu từ những hành động nhỏ để thúc đẩy những thay đổi lớn.*  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Đố vui***”.  - GV đọc từng câu hỏi và HS giơ tay để phát biểu. GV công bố đáp án sau khi HS trả lời.  **Câu 1:**Đồi núi nước ta chủ yếu là:  A. Đồi núi cao.  B. Đồi núi thấp.  C. Đồi núi trung bình.  D. Đồi núi dốc.  **Câu 2:** Thiên tai mà vùng đồng bằng chịu ảnh hưởng là gì?  A. Bão.  B. Mưa đá.  C. Sạt lở đất.  D. Băng tuyết.  **Câu 3:** Việt Nam thuộc kiểu khí hậu nào?  A. Nhiệt đới ẩm xích đạo.  B. Ôn đới lục địa.  C. Nhiệt đới ẩm gió mùa.  D. Ôn đới hải dương.  **Câu 4:** Miền Nam có mấy mùa rõ rệt trong năm?  A. 5  B. 4  C. 3  D. 2  **Câu 5:**Đâu **không** phải dòng sông lớn ở nước ta?  A. Sông Tô Lịch.  B. Sông Hồng.  C. Sông Cửu Long.  D. Sông Đà.  - GV công bố đáp án ngay sau khi HS nêu đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | | B | A | C | D | A |   **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Thiên Nhiên Việt Nam*  + Có ý thức chăm chỉ, tìm tòi, học hỏi những phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  + Đọc trước *Bài 3 – Biển, đảo Việt Nam* (SHS tr.16). | - HS CTC.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS xem ảnh.  - HS xem video.  - HS quan sát tranh.  - HS làm việc nhóm.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe tiếp thu.  - HS làm việc nhóm.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hiện.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chơi trò chơi.  - HS lắng nghe, trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................***.......................................................................***

***Thứ năm ngày 26 tháng 9 năm 2024***

**Buổi chiều TIẾT 1: TOÁN 4**

**BÀI 7. TÌM HAI SỐ KHI BIÉT TỔNG VÀ TỈ SỐ CÙA HAI SỐ ĐÓ (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

- Biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tổng và ti sô của hai số đó” và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiền đơn giản.

**\* Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đaề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số cùa hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dần tới nhu cầu tìm hai số khi biết tống và tỉ số cùa hai số đó.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1.Khởi động** | |
| - Tổ chức cho HS chơi Truyền điện. Yêu cầu Nối tiếp nhắc lại các bước giải trong dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó. | - HS tham gia chơi. Lắng nghe nhận xét, bổ sung (nếu có) |
| **2. Thực hành, luyện tập** | |
| **Bài 3.**  - Gọi HS đọc bài |  |
| - Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và tỉ số của hai số đó”. | - HS xác định tổng, tỉ số của số gạo tẻ và số gạo nếp. |
| - HS làm bài nhóm đôi | - Vẽ sơ đồ, suy nghĩ tìm mối quan hệ giữa số lít sơn xanh, trắng và tổng rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | - HS trình bày bài vào vở, 1 HS làm bảng phụ |
| - Yêu cầu HS đôi vờ, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm. | - HS trao đổi vở, Nhận xét, báo cáo các bài làm.  - Chữa bài trên bảng phụ. Đặt câu hỏi nếu có. |
| - GV nhận xét chung.  - Chốt lại các bước giải. |  |
| **3. Vận dụng**   * Yêu cầu HS tự đọc, phân tích bài toán | - HS tự đọc, phân tích bài toán |
| - Em hiểu số tiền tiết kiệm của chị Linh gấp 4 lần số tiền tiết kiệm của Phúc là thế nào? | - Số tiền tiết kiện của Phúc là 1 phần thì số tiền tiết kiệm của chị Linh là 4 phần |
| * Yêu cầù HS trình bày bài làm vào vở. | - HS làm vở cá nhân |
|  | - HS trao đổi vở, chia sẻ với bạn cách mình làm. |
| * Gọi HS trình bày bài làm | -1 HS trình bày, giải thích cách làm |
|  | * Nhận xét, bổ sung |
| * GV nhận xét chung. |  |
| - Đặt 1 tình huống có trong thực tế liên quan đến dạng toán Tìm hai số khi biết Tổng và tỉ số của hai số đó. | - HS nêu tình huống. HS khác nhận xét. |
| - Lựa chọn 1 tình huống yêu cầu HS nêu cách tìm | - HS chia sẻ. |
| GV nhận xét |  |
| **(\*) Củng cố, dặn dò** |  |
| - Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Nhắc HS về nhà, các em đọc lại cách giái dạng toán “Tìm hai sô khi biết tông và ti so cua hai so đó”. | - Biết cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................***..............................................................***

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 5**

**BÀI ĐỌC 2: MUÔN SẮC HOA TƯƠI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 4.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Mỗi bạn học sinh, dù là nam hay là nữ, đều rất đáng quý, đáng yêu; nên quý mến, tôn trọng bạn, dù đó là bạn nam hay bạn nữ.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

Bước đầu cảm nhận được từ ngữ hay, hình ảnh đẹp và có ý nghĩa trong bài thơ; chia sẻ được cảm nhận của mình với cô (thầy) và các bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở ô li hoặc vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** | |
| **- Giáo viên cho học sinh nghe và hát bài *Lớp chúng mình* để tạo không khí tích cực cho giờ học.**  **- Chúng ta đang học chủ điểm Bạn nam, bạn nữ. Ở Bài đọc 1, các em đã đọc bài *Lớp trưởng lớp tôi* và biết về một bạn nữ lớp trưởng học giỏi, xốc vác, biết quan tâm đến mọi người, lo lắng cho công việc chung, khiến các bạn trong lớp đều yêu quý và tin tưởng. Hôm nay, các em tiếp tục tìm hiểu về chủ điểm *Bạn nam, bạn nữ* thông qua bài thơ *Muôn sắc hoa tươi*..** | **- Cả lớp hát**  **- HS lắng nghe** |
| **2. Hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  – GV đọc mẫu bài thơ, giọng hồn nhiên, vui tươi; kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương (VD: chan hoà, phái yếu, phái mạnh,...).  – GV lưu ý HS các từ ngữ dễ đọc sai do ảnh hưởng tiếng địa phương. VD: lúc nắng, lúc nào, nên (MB); buồn lắm, vắng, đặc biệt, chan hoà, đoàn kết (MN); chẳng, nữ, khoẻ, sẽ, nhỏ (MT). Chú ý nghỉ hơi cuối dòng thơ hợp lí để các dòng thơ liền mạch về nghĩa, không bị ngắt quãng; nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ quan trọng. VD:  Thời gian / **có đêm và ngày** //  Thời tiết / **lúc mưa lúc nắng** //  Trái Đất này / **sẽ buồn lắm** //  Nếu **thiếu bạn** / hay **vắng tôi**.  – HS đọc từ ngữ khó, đọc nối tiếp các khổ thơ theo hướng dẫn của GV.  - Cho cả lớp đọc thầm  - Gọi một vài nhóm đọc trước lớp. HS khác nhận xét  – Một số HS đọc toàn bài thơ.  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 4 câu hỏi.  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi *Hỏi đáp trước lớp..*  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:  + Mỗi nhóm 2 bạn sẽ lên trước lớp. Bạn thứ nhất hỏi câu 1, bạn thứ hai trả lời. Sau đó bạn thứ hai hỏi câu 2, bạn thứ nhất trả lời. Lần lượt như thế đến hết. Sau đó cho họ sinh nhận xét và nhóm khác tiếp tục.  *(1) Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua hai khổ thơ đầu?*  *(2) Vì sao “lớp của chúng mình” rất đáng yêu?*  *(3) Khổ thơ 4 khẳng định điều gì?*  *(4) Tìm trong khổ thơ cuối một hình ảnh đẹp thể hiện ý nghĩa của bài thơ.*    - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em nội dung bài đọc nói lên điều gì?*  - GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS lắng nghe    - HS nối tiếp đọc từ khó  - HS đọc thầm  - Một vài nhóm đọc trước lớp  - HS lắng nghe  - HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  - HS thực hiện  - HS lắng nghe và tham gia chơi  - Tác giả muốn nói: Cuộc sống có bạn nữ, bạn nam cũng giống như thiên nhiên có ngày và đêm, có mưa và nắng. Dù là nam hay nữ, các bạn đều có những điểm đáng quý, đáng yêu; không có ai đặc biệt hơn người khác chỉ vì là nam hay là nữ.  - Vì các bạn trai, bạn gái trong lớp luôn chan hoà, đoàn kết với nhau, đua nhau chăm học, chăm làm, lớp học luôn vui vẻ.  - Khổ thơ khẳng định không có ai là phái yếu, cho dù là nữ hay nam. Khổ thơ cũng khuyên các bạn nhỏ hãy tự tin, chung sức giúp mọi người; khi đó, dù là nữ hay nam, bạn đều là phái mạnh.  - HS có thể nêu các hình ảnh *Mỗi người một ngôi sao nhỏ / Trường ta muôn sắc hoa tươi.* Những hình ảnh này so sánh các bạn nam, bạn nữ trong trường đẹp như những ngôi sao nhỏ, những bông hoa tươi. Qua các hình ảnh đó, bài thơ cho thấy bạn nào cũng rất quan trọng, cũng xinh đẹp, đáng yêu, dù là nam hay nữ.  - Mỗi bạn học sinh, dù là nam hay là nữ, đều rất đáng quý, đáng yêu; nên quý mến, tôn trọng bạn, dù đó là bạn nam hay bạn nữ.  - HS trả lời.    - HS lắng nghe. |
| **3. Luyện tập**  - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp  – GV mời một số HS đọc nối tiếp từng đoạn trong bài đọc. Có thể cho các nhóm thi đọc diễn cảm với nhau.  - GV chú ý hướng dẫn HS nghỉ hơi đúng, nhấn giọng từ ngữ quan trọng và thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp khi đọc. VD:  **Ai cũng quan trọng** trên đời //  Mỗi người / **một ngôi sao nhỏ** //  Trường ta / **muôn sắc hoa tươi** //  Bởi **bạn và tôi** ở đó.  - GV nhận xét việc đọc của HS. | - HS lắng nghe  - 2 HS đọc. Sau đó 3 tổ thi đọc  - HS lắng nghe |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm** | |
| - GV nêu câu hỏi: *Em biết được điều gì sau khi học bài đọc Muôn sắc hoa tươi?*  - GV nhận xét, khích lệ HS.  *- Dặn dò:*GV nhắc HS về nhà luyện đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ. | - HS nêu  - HS lắng nghe và thực hiện |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................***...............................................................................***

**TIẾT 3: TOÁN TĂNG**

**Luyện tập tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố cho HS cách giải bài toán “ Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó”.

- HS có kĩ năng nhận biết và giải thành thạo dạng toán trên.

- Phát triển khả năng tư duy, kĩ năng suy luận.

**II. Đồ dùng dạy- học:**

GV: Bảng phụ ghi nội dung bài tập 3

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

**1. Hoạt động Mở đầu:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Nêu các bước giải bài toán: Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.  - Gọi HS trình bày, lớp nhận xét bổ sung.  *Chốt:Các bước giải bài toán:*  *+ Vẽ sơ đồ minh hoạ bài toán.*  *+ Tìm tổng số phần bằng nhau.*  *+ Tìm giá trị một phần.*  *+ Tìm số bé, tìm số lớn.*  Lưu ý : Bước tìm giá trị một phần và bước tìm số bé (SL) có thể làm gộp lại. | - HS nói cho bạn nghe N2.  - 2 - 3 HS trình bày.  - HS nhắc lại các bước. |

**2. Hoạt động Thực hành**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1**: Trên bãi có tất cả 30 con trâu và bò. Số trâu bằng số bò. Hỏi trên bãi cỏ có bao nhiêu con trâu, bao nhiêu con bò ?  - Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?  - Bài toán thuộc dạng toán gì?  - Yêu cầu HS làm bài, chữa bài.  - Theo dõi, nhận xét.  Chốt: Yêu cầu HS nêu lại cách giải bài toán dạng tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số của 2 số đó.  **Bài 2:** Đội văn nghệ của trường có tất cả 24 bạn. Số bạn nam bằng số bạn nữ. Hỏi có mấy bạn nam, mấy bạn nữ?  - Bài toán thuộc dạng toán nào?  - Nêu các bước giải bài toán.  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - GV nhận xét, đánh giá  *- Chốt: Cách giải bài toán Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.*  **Bài 3:** TBC hai số là 60. Biết số lớn gấp đôi số số bé. Tìm hai số.  - Các bước h/d tương tự bài 1.  HD: Em hiểu số lớn gấp đôi số bé là ntn?  Tổng hai số đã biết chưa? Tìm ntn?  ĐS: SL= 80; SB = 40  - Nhắc lại các bước giải ở bài tập này.  **\* KKHS làm bài sau:**  **Bµi 4\***: Cho phân số . Hỏi để được một phân số bằng  thì phải cộng thêm vào tử số và bớt ở mẫu số của phân số đã cho cùng một số tự nhiên nào? (BP)  - Yêu cầu HS đọc đề, phân tích.  - GV hướng dẫn:  + Nếu cộng thêm vào tử số và bớt ở mẫu số của phân số cùng một số tự nhiên thì tổng của tử số và mẫu số như thế nào?  + Tổng của TS và MS đã cho là bao nhiêu? Phân số mới bằng bao nhiêu?  + Bài toán thuộc dạng toán gì?  Bài giải: Tổng của mẫu số và tử số của phân số  là: 3 + 18 = 21  Khi cộng thêm vào tử số và bớt ở mẫu số của phân số đã cho cùng một số tự nhiên thì tổng của mẫu số và tử số không thay đổi,  Vì phân số mới bằng  tức tử số gồm 3 phần thì mẫu số gồm 4 phần bằng nhau như thế  Vậy tử số mới bằng 21 : 7 x 3 = 9  Mẫu số bằng: 21- 9 = 12  Ta được phân số mới bằng  Vậy phải cộng thêm vào tử số và bớt ở mẫu số của phân số  cùng một số tự nhiên:  9 - 3 = 6.  Chốt: Yêu cầu HS nêu cách giải với các bài toán dạng thêm vào tử, bớt mẫu của phân số với cùng một số tự nhiên.  **3. Hoạt động Vận dụng:**  - Nêu các bước giải dạng toán: Tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số của hai số.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về xem lại bài | - HS đọc, xác định yêu cầu bài.  - HS nêu.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - 1HS làm bảng lớp, nhận xét chữa bài.  Đáp số: Bò: 24 con  Trâu: 6 con  *-* HS nêu lại.  - Dạng toán Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó..  - 1 HS nêu.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  TBC: 60  SL: gấp đôi số bé  SL, SB: ....?  - số bé là 1 phần thì số lớn bằng 2 phần như thế.  - tổng hai số = TBC x 2  - Hs làm vở  - Hs nêu lại.  - HS ®äc, x¸c ®Þnh yªu cÇu bµi.  - HS lµm bµi N2  - 1 nhóm làm bảng lớp  - Chữa bài, nhận xét.  - ...không thay đổi  - ..3 + 18 = 21, PS mới là  - ...tổng – tỉ....  - 2 HS nhắc lại. |

**4. Điều chỉnh sau tiêt dạy (nếu có)**

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**....................................................................**

*Thứ sáu ngày 27 tháng 9 năm 2024*

***Buổi sáng* TIẾT 1: TOÁN 5**

**BÀI 8.** **TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ (Tiết 1)**

**I. YÊU CÀU CÂN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

Biêt cách giãi bài toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ sô của hai số dó" và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiễn đơn giản.

**Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội dược phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Chuẩn bị một số tình huống đơn gian dần tới nhu cầu Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
* Bàng phụ, phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÙ YÉU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động** | |
| Tổ chức cho HS quan sát tranh và TLCH |  |
|  | HS quan sát tranh |
| Có mấy loại hộp? | Có 2 loại bóng (hộp to và hộp nhỏ). |
| Hộp to hơn hộp nhỏ bao nhiêu chiếc bút màu? | Hộp to có nhiêu hơn hộp nhỏ 24 cliiêc bút màu |
| Vậy Hiệu số hộp bóng to với bóng nhỏ là bao nhiêu? | Hiệu sô cùa hai loại bút màu đó là 24. |
| - Tỉ sô hộp to và hộp nhỏ bao nhiêu? | Tỉ sô số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ là 5/3 |
| Tính số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ |  |
| Bài toán đưa ra đã cho biết gì? | Cho biết hiệu số bút màu ở thộp to và hộp nhỏ cùng với tỉ số của bút màu trong hộp to với hộp nhỏ |
| Bài toán yêu cầu gì? | Tìm số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ |
| Vậy làm thế nào để tìm hai số khi biết Hiệu và tỉ số của hai số đó, chúng ta cùng tìm hiểu. | HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  \*Mục tiêu: HS biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó” | |
| **Bài 1.**  Đọc và phân tích bài toán. | * 2 HS đọc, phân tích. HS khác theo dõi |
|  | + Bài toán cho biêt: Hiệu hai sô 24. Tỉ số của hai số là 5/3.  + Bài toán hói: “'Tìm hai số đó”. |
| Tỉ số cảu hai số là 5/3 biểu thị điều gì? | Nếu số lớn là 5 phần bằng nhau thì số bé là 3 phần như thế |
| GV hướng dẫn HS biểu thị tỉ số bằng sơ đồ. | HS quan sát |
| * Yêu cầu HS thảo luận nhóm: thào luận cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó | HS quan sát sơ đô, suy nghĩ tìm cách giãi quyết vấn đề và chia sẻ với bạn cùng nhóm. |
| GV gợi ý: |  |
| Số lớn hơn số bé mấy phần? | Tìm hiệu số phần bằng nhau 5 - 3 = 2 |
| 2 phần này có giá trị bằng bao nhiêu? | 2 phần này có giá trị bằng tổng là 24 |
| Vậy muốn tìm giá trị 1 phần ta làm thế nào? | Tính giá trị 1 phẩn 24:2 = 12 |
| Muốn tìm sổ lớn ta phái làm gì? | Lấy giá trị 1 phân nhân vời số phần tương ứng, ta có: số lớn là: 12 x 5 = 60 |
| Vậy số bé bàng bao nhiêu? | Số bé là: 12 x 3 = 36 hoặc 60 - 24 = 36 |
| * Gọi HS trình bày | HS nêu câu lời giái và trinh bày bài giài như SGK. |
| - GV chốt lại: Với dạng “Tìm hai số khi biết hiệu và ti sô cua hai sô đó”, khi giai thường liến hành theo bon bước:  + Bước 1: Vẽ sơ đồ.  + Bước 2: Tìm hiệu số phần bằng nhau.  + Bước 3: Tìm giá trị một phân.  + Bước 4: Tìm số lớn  + Bước 5: Tìm sô bé  Lưu ý, HS có thể tìm số lớn trước hoặc số bé trước đều được. | HS lắng nghe, nhắc lại |
| * Yêu cầu HS thực hành qua ví dụ: Tìm hai số khi biết hiệu của hai số là 6. Tỉ số của hai số là 2/5. | HS trình bày theo các bước giải. |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  \*Mục tiêu: HS luyện tập cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số | |
| **Bài 1.**  Yêu cầu HS đọc | HS đọc bài. |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết hiệu và ti số của hai số đó”. | HS xác định hiệu, tỉ số của hai số trong từng trường hợp. |
| * Yêu cầu HS thực hiện vào vở | HS làm vở, đổi vở kiểm tra chéo nếu làm xong. |
| * Gọi HS trình bày bài. | HS trình bày, nhận xét. |
| * GV nhận xét chung |  |
| **Bài 2.**  Gọi HS đọc bài |  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết hiệu và ti số của hai số đó”. | HS xác định hiệu, tỉ số của cuộn dây màu xanh và cuộn dây màu đỏ |
| * HS làm bài nhóm đôi | - Vẽ sơ đô, suy nghi tìm môi quan hệ giữa cuộn dây màu xanh và cuộn dây màu đỏ và hiệu rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | * HS trình bày bài vào vở |
| - Yêu cầu HS đôi vờ, chừa bài và nói cho bạn nghe cách làm. | HS trao đổi vở, 1 HS làm bảng lớp.  Nhận xét, báo cáo các bài làm. Đặt câu hỏi nếu có. |
| GV nhận xét chung.  Chốt lại các bước giải. |  |
| **\*Củng cố, dặn dò**  -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì?  -So sánh các bước giải của dạng toán tìm hai số khi biết tổng -tỉ số với dạng toán tìm hai số khi biết hiệu -tỉ số  -Về nhà các em có thể tìm thêm các bài toán có dạng cần tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó và chuẩn bị cho tiết 2 | Tìm cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số   * Nêu bước làm giống, khác nhau. * -HS nghe để thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

:........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**......................................................................**

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 6**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU:DẤU GẠCH NGANG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Hiểu tác dụng của dấu gạch ngang (dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích), vị trí của dấu gạch ngang (được đặt ở giữa bộ phận chú thích, giải thích và bộ phận được chú thích, giải thích).

– Tìm được dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

– Thêm được dấu gạch ngang vào vị trí phù hợp để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm về dấu gạch ngang, trao đổi về kết quả làm BT), NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chủ động, tự tin sử dụng dấu gạch ngang theo yêu cầu của BT). Bồi dưỡng PC trách nhiệm (có trách nhiệm trong hoạt động tập thể, hoàn thành nhiệm vụ được giao).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Vở bài tậpTiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** | |
| – GV cho HS chơi Trò chơi Thử tài siêu nhí.  Cách chơi: GV sẽ đưa ra câu hỏi “Nêu tác dụng của dấu gạch ngang” để thử tài trí nhớ của HS trong lớp. HS lần lượt nêu các tác dụng của dấu gạch ngang đã học ở lớp 4. Bạn nào nêu đúng và đầy đủ nhất sẽ là người chiến thắng.  - GV giới thiệu bài: Ở lớp 4, các em đã biết dấu gạch ngang có thể được dùng để đánh dấu lời nói của nhân vật, đánh dấu các ý được liệt kê hoặc nối các từ ngữ trong một liên danh. Bài học hôm nay sẽ cho các em biết thêm một tác dụng khác của dấu gạch ngang. Chúng ta cùng tìm hiểu đó là tác dụng gì nhé. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.  - HS lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu gạch ngang**  - GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của BT (Nhận xét về vị trí và tác dụng của mỗi dấu gạch ngang trong mẩu truyện Quà tặng bố.). Cả lớp đọc thầm theo.  - GV cho HS thảo luận theo nhóm 2 để hoàn thành bài tập.  - GV tổ chức cho HS trình bày kiến thức cần ghi nhớ vừa rút ra từ phần *Nhận xét.*  - 2 HS đọc lại kiến thức cần nhớ. | - HS đọc.  - HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ.  - Đại diện 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp, các HS khác nêu ý kiến. |
| **3. Thực hành, luyện tập**  **Hoạt động 2: Luyện tập về dấu gạch ngang**  ***1. Tìm dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong đoạn truyện (BT 1)***  - Giáo viên mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV cho học sinh suy nghĩ cá nhân và tìm dấu gạch ngang trong đoạn truyện rồi tìm trong số đó những dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.  - GV cho HS trao đổi ý kiến theo nhóm 2.  - GV chốt đáp án đúng: Các dấu gạch ngang có tác dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích (bộ phận được in nghiêng). GV giải thích tác dụng cụ thể của bộ phận ấy:  **2. Thêm dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp trong đoạn truyện để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích (BT 2).**  - GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV chốt đáp án đúng:  “Sáng Chủ nhật, chúng ta có buổi tham quan nông trại. Các em nhớ mang bút và sổ tay để ghi chép, chuẩn bị cho bài viết sắp tới nhé!” – đó là thông báo của cô giáo chủ nhiệm từ buổi chiều thứ Năm. Lan háo hức lắm. Cô bé thấy thời gian trôi thật chậm, mãi mà không tới Chủ nhật. | - HS đọc.  - HS thực hiện  - Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình trước lớp:   |  |  | | --- | --- | | **Vị trí của các dấu gạch ngang** | **Tác dụng của dấu gạch ngang** | | Dấu gạch ngang đầu câu:  − *Con hi vọng món quà nhỏ này...* | Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật. | | Các dấu gạch ngang ở giữa câu hoặc ở  phần cuối câu. | Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích  trong câu hoặc trong đoạn văn. |   - HS đọc.  - HS làm việc cá nhân: đọc thầm đoạn truyện, sau đó làm bài vào phiếu học tập.  - Một số HS báo cáo kết quả, các HS khác nêu ý kiến. |
| **4. Vận dụng** | |
| - GV hỏi: Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?  - Điều đó giúp em việc gì?  - Học sinh về nhà học thuộc phần ghi nhớ. | - HS nhắc lại nội dung bài học.  - Biết được tác dụng, vị trí của dấu gạch ngang để tìm và thêm dấu gạch ngang đúng chỗ. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**.............................................................**

**TIẾT 3: TIẾNG VIỆT 7**

**BÀI VIẾT 2: LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Quan sát)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nắm được các ý để tóm tắt một bài văn tả người.
* Biết quan sát một người và ghi lại kết quả quan sát để chuẩn bị tìm ý và lập dàn ý cho bài văn tả người.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ và tự học:*biết cách sửa lỗi trong bài văn.
* *Năng lực sáng tạo:* biết lựa chọn, thay thế một số từ ngữ để bài viết hay hơn.

***Năng lực văn học:***

* Biết sử dụng những từ ngữ phù hợp để ghi lại những điều mà mình đã quan sát được.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm; tình cảm, cảm xúc lành mạnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5.
* Bảng phụ máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 4 (tập 2), SBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV dẫn dắt, giới thiệu vào bài mới:*Tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu bố cục bài văn tả người. Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục đi tìm hiểu những cách viết miêu tả con người.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tóm tắt bài văn tả người**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - HS nghe GV nhận xét về bài viết.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT1: *Đọc lại và tóm tắt bài Hạng A Cháng (trang 22) hoặc bài Chị Hà (trang 23) theo gợi ý sau:*  *a) Tác giả miêu tả những đặc điểm nổi bật nào về ngoại hình của nhân vật?*  *b) Tác giả miêu tả những đặc điểm nổi bật nào về hoạt động, tính cách của nhân vật?*  *c) Để miêu tả các đặc điểm trên, tác giả đã quan sát bằng những giác quan nào?*  - GV chia lớp thành 2 nhóm: *Nhóm 1 thực hiện tìm hiểu bài Hạng A Cháng, Nhóm 2 thực hiện tìm hiểu bài Chị Hà.*  - GV cho HS thực hiện nhiệm vụ trong vòng 5 phút, sau đó đại diện nhóm lên trình bày kết quả.  - GV nhận xét, GV khuyến khích HS đặt câu hỏi (nếu chưa rõ).  - GV nhận xét, chốt đáp án:   |  |  | | --- | --- | | ***Hạng A Cháng*** | ***Chị Hà*** | | ***Mở bài:*** *Giới thiệu người được tả* | | | ***Thân bài:*** *Tả những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, tính cách của nhân vật.*  *- Tả ngoại hình: ngực, nước da, bắp chân, bắp tay, vóc người, đôi vai.*  *- Tả hoạt động, tính cách: dắt trâu ra đồng, mắc cày, cày ruộng (cho thấy người được tả khỏe, đẹp, chăm chỉ).*  *- Cách tả: tả ngoại hình, sau đó tả hoạt động, thông qua đó nói lên tính cách của nhân vật.* | ***Thân bài:*** *Tả những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, tính cách của nhân vật.*  *- Tả ngoại hình: dáng người, mái tóc, khuôn mặt (gò má, nước da).*  *- Tả hoạt động, tính cách: cười nói vui vẻ khi trò chuyện với thiếu nhi (cho thấy người được tả có tính tình hồ hởi, yêu quý trẻ em; sôi nổi, dễ mến).*  *- Cách tả: tả ngoại hình xen lẫn tả hoạt động và nêu nhận xét về tính cách nhân vật.* | | ***Kết bài:*** *Kết thúc bài*  *viết; nêu cảm nghĩ*  *về người được tả.* | ***Kết bài:*** *Kết thúc bài viết.* | | ***Cách quan sát:*** *Quan sát bằng mắt, tai* | ***Cách quan sát:*** *Quan sát bằng mắt* |   - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **Hoạt động 2: Quan sát một người bạn đang học tập (hoặc lao động, vui chơi), ghi lại kết quả quan sát**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - Nắm được các bước quan sát.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT2: *Quan sát một người bạn đang học tập (hoặc lao động, vui chơi), ghi lại kết quả quan sát theo gợi ý sau:*    - GV gợi ý cho HS:  *+ Giới thiệu người bạn mà em muốn tả là ai?*  *+ Những đặc điểm nổi bật về ngoại hình:*   * *Dáng người mà em định tả có đặc điểm gì? VD: dáng người cao, gầy, mũm mĩm,…* * *Khuôn mặt người bạn em có đặc điểm gì? VD: trái xoan, tròn trịa, bầu bĩnh,…* * *Mái tóc trông như thế nào? VD: mái tóc dài, ngắn có màu đen nhánh, màu hạt dẻ,…* * *Đôi mắt như thế nào? VD: đôi mắt sáng long lanh, đôi mắt bồ câu,…* * *…..*   *+ Những đặc điểm nổi bật về hoạt động, tính cách:*   * *Hoạt động thường ngày của người bạn đó là gì?* * *Tính cách của người bạn đó như thế nào?*   - GV cho HS hoạt động cá nhân, mời HS phát biểu bài làm của mình.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động.  - Trao đổi bài để tiến hành việc sửa lỗi.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  - GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy vẽ một bức tranh về người thân của em mà em đã quan sát?*  - GV tổ chức hoạt động cho HS thực hiện nhiệm vụ bằng kĩ thuật *Phòng tranh*.  - GV cho HS thực hiện nhiệm vụ trong vòng 10 phút và yêu cầu HS dán những bức tranh của mình vòng quanh lớp học.  - GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ của HS.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học.  - GV nêu nhận xét về bài viếtđể cả lớp rút kinh nghiệm.  - HS chuẩn bị bài mới. | **-** HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  **-** HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  **-** HS lắng nghe.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nhận lại bài.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  **-** HS lắng nghe, tiếp thu.  **-** HS lắng nghe, tiếp thu.  **-** HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................**............................................................**

**TIẾT 3: TIẾNG VIỆT TĂNG**

**LUYỆN TẬP: TẢ NGƯỜI**

**(Lập dàn ý chi tiết)**

**1. Yêu cấu cần đạt**

- Củng cố cho học sinh nắm chắc cấu tạo bài văn tả người. Biết lập dàn ý cho bài văn tả người theo yêu cầu của đề.

- Rèn kĩ năng xác định đề bài và lập dàn ý cho bài văn.

- Giáo dục HS yêu quý, kính trọng và biết ơn cô giáo.

**2. Đồ dùng dạy – học**

- GV: Bảng lớp chép đề bài

- HS: Ôn lại cấu tạo bài văn tả người.

**3. Các hoạt động dạy- học chủ yếu:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên:**  **3.1. Hoạt động Mở đầu**  - GV giới thiệu bài, ghi đề bài trên bảng lớp  Đề bài: Em hãy tả lại cô giáo (thầy giáo) của em trong một tiết học.  **3.2. Hoạt động Thực hành**  **Hoạt động 1: H­ướng dẫn tìm hiểu đề:**  - Đề bài yêu cầu gì?  - Đề thuộc kiểu bài gì?  - Yêu cầu HS gạch chân những từ quan trọng trong đề bài.  **Hoạt động 2: H­ướng dẫn quan sát tìm ý:**  - Đối t­ượng em miêu tả là ai?  - Em quan sát bằng những giác quan nào?  - Em tả những nội dung nào?  - Tả trọng tâm là phần nào?  - Ngoài tả hình dáng và tính tình để bài viết có cảm xúc em cần thêm những chi tiết nào? | | **Hoạt động của học sinh:**  - Lớp theo dõi  - Đọc đề bài trên bảng lớp.  - Tả cô giáo (thầy giáo) của em trong một tiết học.  - Văn tả người.  - Tả cô giáo em, trong một tiết học.  - Cô giáo (thầy giáo) của em.  - Mắt quan sát hình dáng, cử chỉ của cô giáo, tai nghe giọng nói, sự liên tưởng đến kỉ niệm của người đó đối với mình hoặc bạn.  - Tả hình dáng, hoạt động của cô giáo.  - Tả hoạt động dạy học của cô.  - Tả về hoạt động học và kết quả học tập, thái độ học tập của các bạn... |
| **Hoạt động 3: H­ướng dẫn lập dàn ý:** | | |
| - Cấu tạo bài văn tả người gồm mấy phần là những phần nào?  - Phần mở bài em làm công việc gì? Em giới thiệu như­ thế nào?  - Phần thân bài em tả những gì?  - Tả hình dáng em tả như­ thế nào?  - Tả hoạt động dạy học của cô giáo, em tả như thế nào?  - Ngoài tả hình dáng, hoạt động dạy học của cô giáo, em cần tả thêm những gì?  - Phần kết bài em viết thế nào?  - Yêu cầu HS tự lập dàn ý.  - Gọi HS đọc dàn ý của mình, lớp nhận xét.  \* Khuyến khích HS chuyển một đoạn của dàn ý thành đoạn văn.  - Gọi HS đọc đoạn văn của mình.  - Nhận xét, đánh giá. | - Bài văn tả người gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.  1. Mở bài :  - Giới thiệu về cô giáo và tiết học để lại trong em ấn tượng sâu sắc.  Ví dụ: Cho đến bây giờ em vẫn còn nhớ như in hình ảnh cô giáo em trong tiết học đầu tiên của năm học này. Đó là tiết học Tập đọc bài “Thư gửi các học sinh”. (Hoặc: Cô giáo em nổi tiếng dạy Toán giỏi. Nhớ lại tiết Toán sáng nay cô dạy, em càng thêm thích học cô hơn, hứng thú với những tiết toán hơn.)  2. Thân bài:  - Tả hình dáng và hoạt động dạy học của cô giáo trong tiết học đó.  *- Tả hình dáng*:  + Tuổi: Cô giáo em khoảng ngoài ba mươi tuổi.  + Dáng người: cao dong dỏng, có phần hơi gầy  + Khuôn mặt: phúc hậu  + Mái tóc: buộc gọn gàng sau gáy, ...  + Đôi mắt: đen láy, nhìn học sinh trìu mến.  + Cô nói nhẹ nhàng.  + Cô mặc chiếc áo dài màu thiên thanh thật đẹp.  *- Tả hoạt động*:  + Cô mỉm cười hiền hậu, giới thiệu về chủ điểm và bài học.  + Cô hướng dẫn chúng em tập đọc. Từ nào khó, cô hướng dẫn chúng em luyện đọc...  + Cô hướng dẫn chúng em tìm hiểu nội dung bài đọc qua phần Tìm hiểu bài. Cô giúp chúng em thấy được tình yêu thương vô hạn, bác dành cho thế hệ thiếu nhi Việt Nam. Em thấy mình cần cố gắng hơn nữa để xứng đáng với niềm mong muốn của Bác, ....  + Cô đọc mẫu bài, giọng đọc hấp dẫn, lôi cuốn chúng em, ...  - Kết quả, thái độ học tập của em và các bạn em.  + Em và các bạn thấy thích thú vô cùng. Nhứng cánh tay nhỏ giơ lên không ngừng. Ai cũng bị lôi cuốn vào tiết học. Bạn nào đọc bài cũng tốt, ...  3. Kết bài: Cảm nghĩ của em về cô giáo và tiết học.  - Em rất yêu thích tiết học này. Cô giáo bằng sự tận tình của mình đã giúp em có nhiều tiến bộ trong học tập. Em sẽ cô gắng học tốt hơn nữa để cô vui lòng.  Hoặc:Tiết học đã qua đi nhưng để lại trong em ấn tượng sâu sắc. Em mong đến những tiết học tiếp theo để được học cô. Em rấy yêu quý cô, cô giáo của em.  - HS làm bài cá nhân.  - 5- 6 HS đọc bài làm của mình, lớp nhận xét bổ sung.  - HS làm bài cá nhân.  - HS đọc văn của mình.  - Nhận xét, đánh giá. | |

**3.3. Hoạt động Vận dụng**:

- Nêu cấu tạo của bài văn tả người? Khi tả hoạt động của một người cần chú ý những gì?

- Nhận xét tiết học.

**.............................................................**

**Buổi chiều TIẾT 1: KHOA HỌC 2**

**HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:

Dung dịch là gì?. Phân biệt được dung dịch từ các ví dụ đã cho.

**2. Năng lực chung:**

*Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực, chủ động tìm hiểu về các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp.

*Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách tạo ra các hỗn hợp, dung dịch có thể sử dụng trong thực tế, ví dụ: Hỗn hợp muối tiêu; dung dịch nước cam…

**3. Phẩm chất**:

*Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*Trách nhiệm*: Chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm theo phân công nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh, video liên quan đến bài học.

- Dụng cụ thí nghiệm. Phiếu học tập.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu kết nối vào bài học.  **b. Cách tiến hành:** | | | |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 1,2, thảo luận và trả lời câu hỏi:  *Trong cốc A và B ở hình 1 có chứa gì? Sau khi khuấy đều và để lắng, em còn nhìn thấy đường hay tranh trong mỗi cốc không? Vì sao?*    Hình 1 Hình 2  - GV mời 1 HS trả lời câu hỏi.        - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới:  *Chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài* ***Bài 2 – Hỗn hợp và dung dịch.*** | | - HS quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời câu hỏi.            - HS trả lời:  *Sau khi khuấy đều và để lắng, không còn nhìn thấy đường, tranh trong cốc do đường và nước tranh đã hòa tan trong nước .*  - HS lắng nghe, ghi bài. | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các hỗn hợp đã cho.  **b. Cách tiến hành:** | | | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu đặc điểm của dung dịch**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Con ong SGK trang 14, gọi một số HS nhắc lại.  - GV chiếu nội dung từ tiết học trước các hỗn hợp HS đã tìm được (trong đó các hỗn hợp thuộc loại dung dịch được xếp vào một cột).  - GV yêu cầu HS: *Tìm các dung dịch trong số các hỗn hợp đó.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương các HS có câu trả lời đúng*.*  - GV chiếu lại kết quả sau khi khuấy hình 1, bài 2 SGK.  - GV yêu cầu HS làm câu 7, Bài 2 VBT*: Sau khi khuấy và để lắng thì cốc nào trong hình 1, trang 12 SGK chứa dung dịch? Vì sao?*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - GV tổ chức cho HS quan sát thí nghiệm 2, mục 1, trang 13 SGK, đồng thời chiếu lại hình ảnh kết quả tạo ra các hỗn hợp đã chụp từ tiết học trước.  - GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trên, trả lời câu hỏi: *Trong các hỗn hợp tạo ra ở thí nghiệm 2, mục 1, hỗn hợp nào là dung dịch?*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.  - GV chia lớp thành các nhóm 4, quan sát hình 4    - GV yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi mục Quan sát, SGK trang 14: *Hỗn hợp nào trong hình 4 là dung dịch? Vì sao?*  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, chuẩn hóa câu trả lời.  - GV yêu cầu HS: *Nhắc lại kiến thức liên quan tới dung dịch (thành phần, đặc điểm, sự khác nhau giữa hỗn hợp và dung dịch).*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS nhắc lại.  - GV nhận xét, tuyên dương các HS nhớ bài. | | - HS đọc bài: *Dung dịch có từ hai chất trở lên và chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau.*  - HS quan sát hình.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.    - HS trả lời.      - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi nhớ.    - HS quan sát hình.    - HS lắng nghe yêu cầu của GV.      - HS trả lời: *Cốc A, vì không còn nhìn thấy muối ăn trong cốc.*    - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS nghiên cứu thí nghiệm kết hợp quan sát hình.      - HS lắng nghe yêu cầu của GV.      - HS trả lời: *Các dung dịch bao gồm: muối và nước, mì chính và nước, đường và nước.*  - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi bài.  - HS chia nhóm, quan sát hình.          - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.    - HS trả lời: *a) và d) là dung dịch vì chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau, các thành phần không tách riêng nhau.*  Điều gì xảy ra khi bạn thường xuyên uống nước ấm pha mật ong mỗi ngày?Uống C sủi chữa nhiệt miệng được không? - Nha Khoa Đông Nam®  - HS lắng nghe, chữa bài vào câu 9, Bài 2 VBT.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.    - HS nhắc lại: *Dung dịch có từ hai chất trở lên và chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau.*  - HS lắng nghe, phát huy. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH**  **a. Mục tiêu:**Nêu được các dung dịch trong cuộc sống hằng ngày.  **b. Cách tiến hành:** | | | |
| **Hoạt động 4: Tìm ví dụ về dung dịch trong cuộc sống**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6, dùng giấy khổ lớn để trả lời câu hỏi: *Kể thêm các dung dịch mà em biết.*  - GV yêu cầu các nhóm treo kết quả làm việc trước lớp. Các nhóm khác đánh giá chéo, báo cáo kết quả.  - GV tổng kết, đưa ra đáp án.  - GV yêu cầu HS: *Đọc mục Em có biết SGK trang 14, nêu bằng chứng về thành phần “có các chất béo không tan”.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.  - Nhận xét | | - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trình bày: nước muối, nước đường, nước chanh, nước hoa,...  *-*Chia sẻ  - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi bài.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS trả lời. *Sữa tươi để một thời gian có một lớp váng trên bề mặt, ăn béo ngậy. Phomai cũng là các hạt béo tách ra từ sữa tươi.*  - HS lắng nghe, chữa bài. | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | | | |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:  + Nêu những hiểu biết của em về dung dịch? Cho ví dụ  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS chia sẻ trước lớp:  +Dung dịch là một hỗn hợp đồng nhất của hai hay nhiều chất hòa tan vào nhau ( nước muối)  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 2: TOÁN TĂNG**

**ÔN TẬP VỀ TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Củng cố dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

- Làm được bài tập dạng tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**2. Phẩm chất:**

- GDHSchăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy tính kết nối tivi chiếu bài tập. Bảng nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:** | |
| - Cho HS nhắc lại các bước giải bài toán về tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.  - GV nhận xét, giới thiệu bài. | - HS thảo luận nhóm đôi.  - 1 số nhóm nhắc lại.  - HS nhận xét, đánh giá. |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành:**  - GV lần lượt chiếu từng bài tập.  **Bài 1:** Một sân vận động hình chữ nhật có nửa chu vi 210m, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích của sân vận động đó?  - GV cho HS đọc, phân tích đề và làm bài.  - GV nhận xét đánh giá, chốt cách làm.  Củng cố dang toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.  **Bài 2:** Một vườn hoa hình chữ nhật có chu vi 90m, chiều rộng bằng 1/3 chiều dài. Tính diện tích của vườn hoa đó?  - GV cho HS đọc, phân tích đề và làm bài.  - GV nhận xét đánh giá, chốt cách làm.  Củng cố dang toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó (dạng ẩn tổng).  **Bài 3:**Khoanh vào trước đáp án đúng:  Trung bình cộng của hai số là 145. Tìm hai số đó, biết số lớn bằngsố bé.  A. 87 và 58 B. 116 và 714 C. 97 và 48  - GV cho HS thảo luận và nêu đáp án.  - GV nhận xét  **Bµi 4\*:**Hai thùng chứa 63 l dầu, nếu chuyển 3 l từ thùng thứ hai sang thùng thứ nhất thì thùng thứ nhất gấp đôi thùng thứ hai. Hỏi lúc đầu mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?  - GV cho HS đọc, phân tích đề và làm bài.  - GV nhận xét đánh giá, chốt cách làm.  Củng cố dang toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó. | - HS đọc, phân tích đề.  - HS làm vở nháp, 1 HS làm bảng nhóm.  - HS nhận xét, chữa bài.  - HS đọc, phân tích đề.  - HS làm vở, 1 HS làm bảng nhóm  - HS nhận xét, chữa bài.  HS nhắc lại cách tính, diện tích HCN.  - HS đọc, nêu yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm đôi, chọn đáp án đúng.  - HS báo cáo kết quả.  - HS nhận xét, nêu cách làm.  - HS đọc, phân tích đề.  - HS làm vở nháp.  - HS nhận xét, chữa bài.  - HS nhắc lại cách làm.  - Cả lớp theo dõi.  - 2 học sinh nhắc lại.  - Cả lớp làm vở, báo cáo giáo viên. |
| **3. Hoạt động vận dụng:**  - GV cùng HS hệ thống bài học. | - HS thực hiện. |
| - Tóm tắt lại các bước giải của dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.  **4. Hoạt động nối tiếp:**  - GV nhận xét tiết học.  - Ghi nhớ tiết học vàchuẩn bị bài: Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó. | - HS nghe và thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................**.........**

**Tiết 2: SINH HOẠT**

*HĐTN: Chủ đề 1: Tự hào truyền thống trường em (tháng 9)*

**SÁNG TÁC VỀ CHỦ ĐỀ: TÌNH THẦY TRÒ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

**- HS thể hiện được tình cảm yêu quý và lòng biết ơn đối với thầy cô giáo thông qua hoạt động sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.**

**2. Năng lực chung**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất**

**- Hào hứng, tự tin tham gia các hoạt động.**

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

- Giáo viên: **SGK**

**-** Học sinh:SGK, chuẩn bị bài thơ, câu chuyện mình sáng tác,..

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY –HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với tiết học. | |
| **b) Cách tiến hành**  - Tổ chức cho HS vận động theo bài hát: *Em yêu trường em.* | - HS thực hiện. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH** | |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.  **b. Cách tiến hành**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 3 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 4.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Sáng tác về chủ đề Tình thầy trò**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS thể hiện tình cảm yêu quý và lòng biết ơn đối với thầy cô thông qua hoạt động sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Tiến hành sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.***  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và yêu cầu: *Sáng tác một tác phẩm về Tình thầy trò.*  - GV hướng dẫn HS:  *+ Nội dung sản phẩm liên quan đến chủ đề Tình thầy trò:*   * *Những kỉ niệm đáng nhớ của em với thầy cô giáo.* * *Tình cảm yêu quý, biết ơn của em đối với thầy cô giáo.* * *Những bài học thầy cô dạy mà em nhớ nhất...*   *+ Hình thức thể hiện:*   * *Bài thơ.* * *Bài hát.* * *Bài vè.* * *Truyện ngắn...*   - GV tổ chức cho HS các nhóm tiến hành sáng tạo sản phẩm.  ***Nhiệm vụ 2. Giới thiệu sáng tác với các bạn***  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày sáng tác trước lớp.  - GV cùng HS còn lại nhận xét, đánh giá sản phẩm.  - GV nhận xét, khen ngợi HS và tổng kết hoạt động.  - GV tổ chức bầu chọn 5 sáng tác ấn tượng nhất.    **\* Củng cố dặn dò**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Thực hiện những việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.  + Chuẩn bị trước ***Chủ đề 1 – Tuần 4.*** | - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS làm việc cá nhân.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe.  - HS bầu chọn.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**PHẦN 2: SINH HOẠT LỚP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Giúp HS:

- Nhận biết được ưu nhược điểm của mình và của bạn trong tuần qua ; Có ý thức khắc phục nhược điểm và phát huy những ưu điểm.

- Nắm được nhiệm vụ tuần 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Lớp trưởng và các nhóm trưởng chuẩn bị nội dung.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

***Hoạt động 1: Khởi động***

- HS hát tập thể 1 bài.

***Hoạt động 2: Sinh hoạt lớp***

- 4 nhóm trưởng lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Lớp trưởng lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét, đánh giá, hư­ớng dẫn HS cách sửa chữa khuyết điểm.

*\*. Ưu điểm:*

*\*Nh­ược điểm:*

***Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 4***

- Ổn định nề nếp học tập và các hoạt động ngoài giờ

- Tiếp tục thi đua lập thành tích chào mừng năm học mới.

- Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.

- Tham gia tích cực các phong trào do nhà trường, Đội tổ chức.

***Hoạt động 4: Sinh hoạt theo chủ điểm***

*Duyệt ngày......tháng ... năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Phó hiệu trưởng***  ***Nguyễn Thị Hằng*** |